HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH 6S

6S IMPLEMENTATION GUIDELINES

LTP-ESG-WI002

Quét mã QR để truy cập
Scan the QR code to access

Content

- 6S là gì? Mục đích của 6S/ What is 6S? Purpose of 6S
- Chủ đề 1/ Topic 1: Quy định chung/ General regulations
- Chủ đề 2/ Topic 2: Thiết bị ứng phó khẩn cấp/ Emergency response equipment
- Chủ đề 3/ Topic 3: Phương tiện bảo vệ cá nhân/ Personal Protective Equipment
- Chủ đề 4/ Topic 4: Chất xếp hàng hóa/ Goods Stacking
- Chủ đề 5/ Topic 5: Nhãn – Biểu tượng/ Labels – Symbols
- Chủ đề 6/ Topic 6: Rác thải/ Waste
- Chủ đề 7/ Topic 7: Hóa chất/ Chemicals
- Chủ đề 8/ Topic 8: An toàn điện/ Electrical Safety
- Chủ đề 9/ Topic 9: Máy móc – Thiết bị/ Machinery – Equipment
- Chủ đề 10/ Topic 10: Báo cáo sự cố/ Incident Reporting
- Chủ đề 11/ Topic 11: Nhà vệ sinh và hút thuốc/ Toilet and Smoking
- Chủ đề 12/ Topic 12: Tiêu chuẩn 6S cho Văn phòng/ 5S Standard for Office

6S là gì? Mục đích của 6S/ *What is 6S? Purpose of 6S*

1. SORT (SEIRI)
Eliminate unnecessary items

2. SET IN ORDER (SEITON)
Arrange items logically and for easy access

3. SHINE (SEISO)
Keep the workspace clean

4. STANDARDIZE (SEIKETSU)
Maintain cleanliness and order with established standards

5. SUSTAIN (SHITSUKE)
Develop habits to ensure continuous improvement.

6. SAFETY
Indentify and eliminate all hazards for a zero accident and injury free workplace

Lợi ích của 6S/ Benefits of 6S:

- 6S là một nỗ lực nhằm xây dựng văn hóa nơi nhân viên tuân thủ kỷ luật và luôn suy nghĩ về cải tiến/ 6S is an effort to build a culture where employees adhere to discipline and constantly think about improvement.
- 6S giúp cải thiện hiệu quả công việc, nâng cao an toàn, tiết kiệm chi phí và xây dựng văn hóa làm việc tích cực trong tổ chức/ 6S helps improve work efficiency, enhance safety, save costs, and build a positive working culture within the organization
- 6S không chỉ đơn thuần là vệ sinh và sắp xếp gọn gang. 6S là hoạt động nền tảng cho Kaizen./ 6S is not just about cleaning and tidying up. 6S is a foundational activity for Kaizen

Nhấn mũi tên để về Mục lục/
Click the arrow to return to Contents.

Chủ đề 1/ Topic 1: Quy định chung/ General regulations

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Luôn mang thẻ nhân viên khi vào nhà máy/ **Requirement:** Always wear your employee ID when entering the factory	
	NOK	OK
QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Thực hiện chấm công ở đầu và cuối ca làm việc/ **Requirement:** Clock in at the beginning and clock out at the end of your shift	
	NOK	OK
QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS		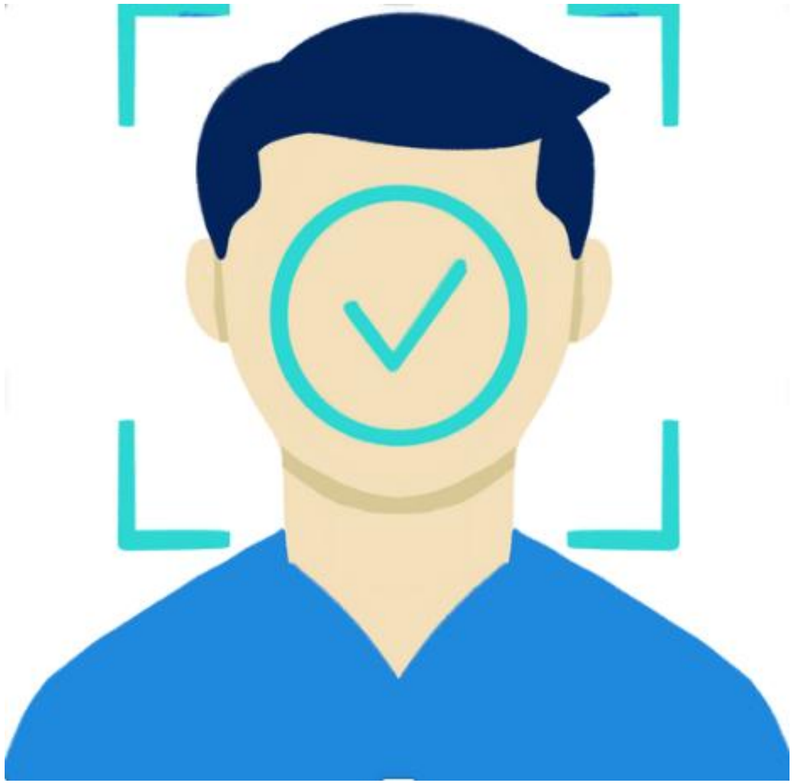

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Không mang thức ăn vào khu vực làm việc/ **Requirement:** No food in the work area	
	NOK	OK
QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Không sử dụng điện thoại khi làm việc (trừ mục đích công việc, tình huống khẩn cấp) và khi di chuyển trong khuôn viên công ty/ **Requirement:** No phone use in working time (except for work-related purposes or emergencies) and hile moving within the company premises.	
	NOK	OK
QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Không mang vũ khí, chất kích thích, chất gây nghiện, ống tiêm, rượu, bia vào công ty/ **Requirement:** Do not bring weapons, stimulants, narcotics, syringes, alcohol, or beer into the company	
	NOK	OK
QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Tuân thủ đồng phục của công ty/ **Requirement:** Adhere to the company's dress code	
	NOK	OK
QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS	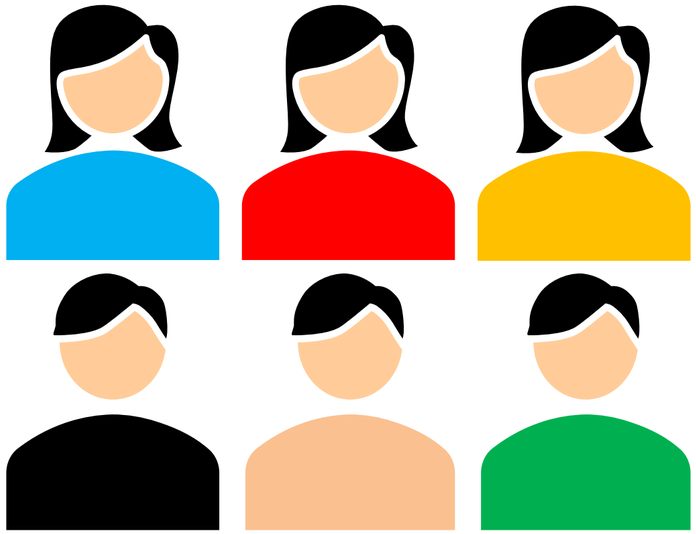	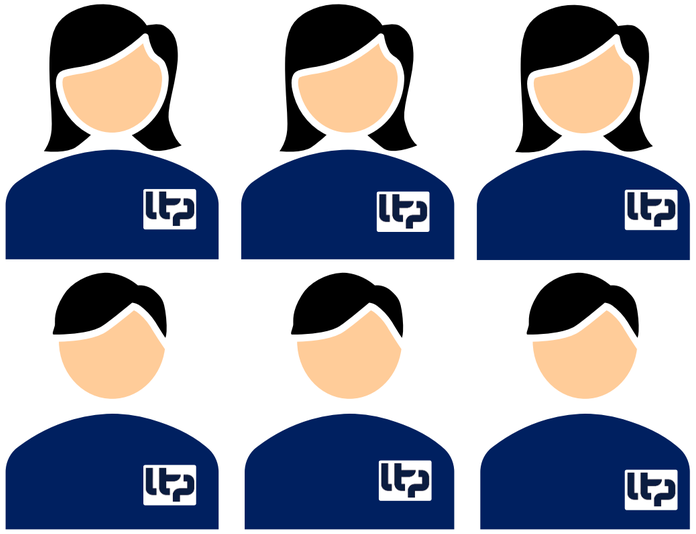

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Công nhân viên trực tiếp đang trong giai đoạn thử việc làm việc trong khu vực sản xuất sẽ được trang bị áo phản quang để nhận diện và đồng phục sẽ được phát sau khi hoàn tất thử việc/ **Requirement:** Employees direct who are in their probationary period and working in the production area will be provided with reflective vests for identification. Uniforms will be issued after the probation period is successfully completed	
	NOK	OK
QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Thực hiện "Văn hóa xếp hàng"/ **Requirement:** Practice "Queue culture"	
	NOK	OK
QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Đi đúng làn đường dành cho người đi bộ/ **Requirement:** Walk on the designated pedestrian lane	
	NOK	OK
QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS	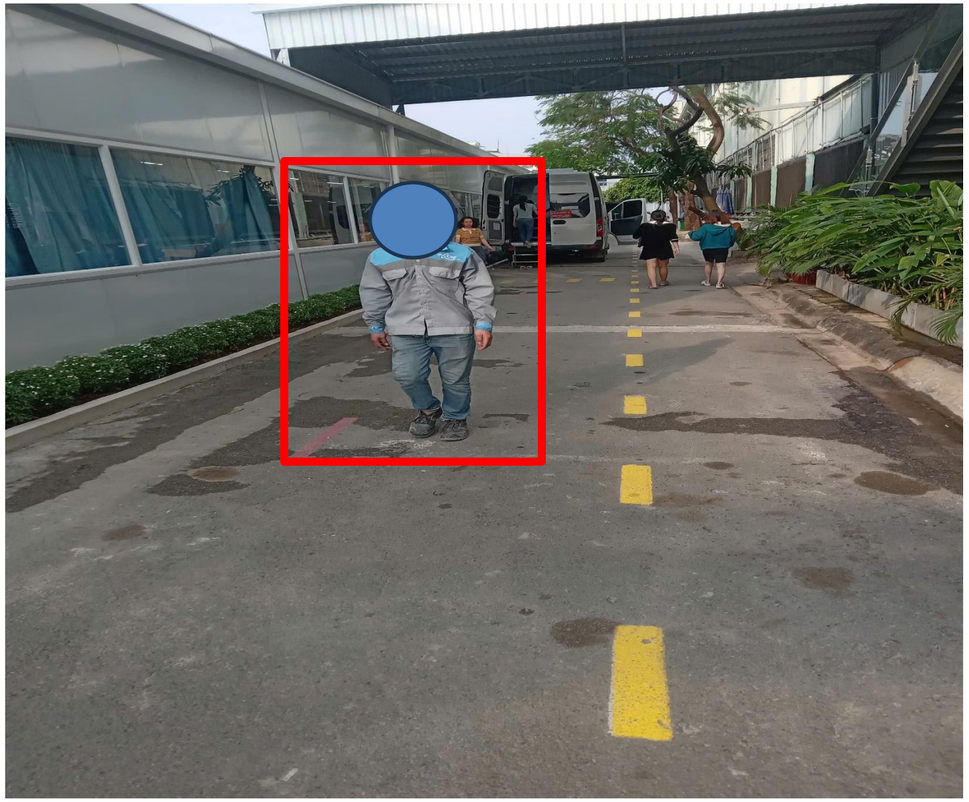	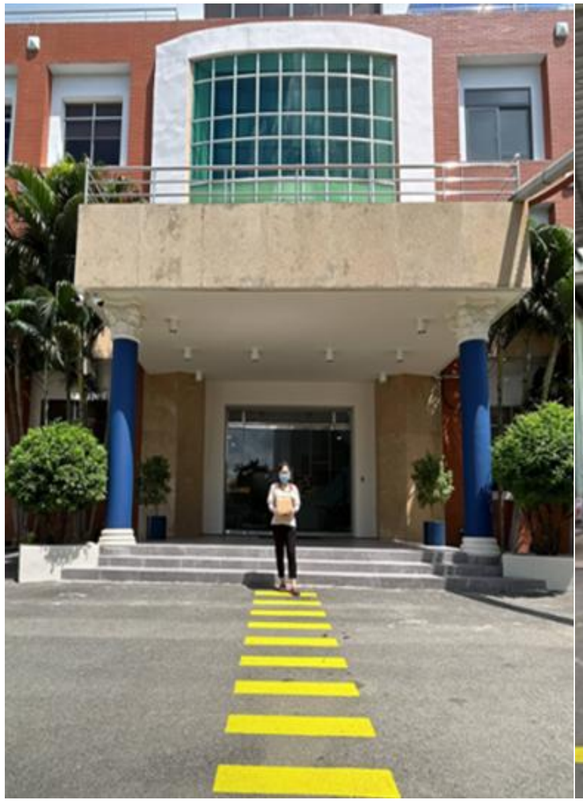

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Tốc độ tối đa cho phép phương tiện di chuyển trong công ty là 5 km/h/ **Requirement:** The maximum allowed speed for vehicles within the company is 5 km/h	
	NOK	OK
QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Đỗ xe gọn gàng trong vạch quy định/ **Requirement:** Park neatly within the designated lines	
	NOK	OK
QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Lên xuống cầu thang phải sử dụng tay vịn, không vừa di chuyển vừa sử dụng điện thoại/ **Requirement:** When using the stairs, the handrail must be used, and no phone usage while moving	
	NOK	OK
QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Không sử dụng dầu gió, dầu xoa bóp, thuốc nhỏ mắt,... khi đang thao tác với sản phẩm/ **Requirement:** Do not use medicated oil, massage oil, eye drops, etc. while handling the product	
	NOK	OK
QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL REGULATIONS	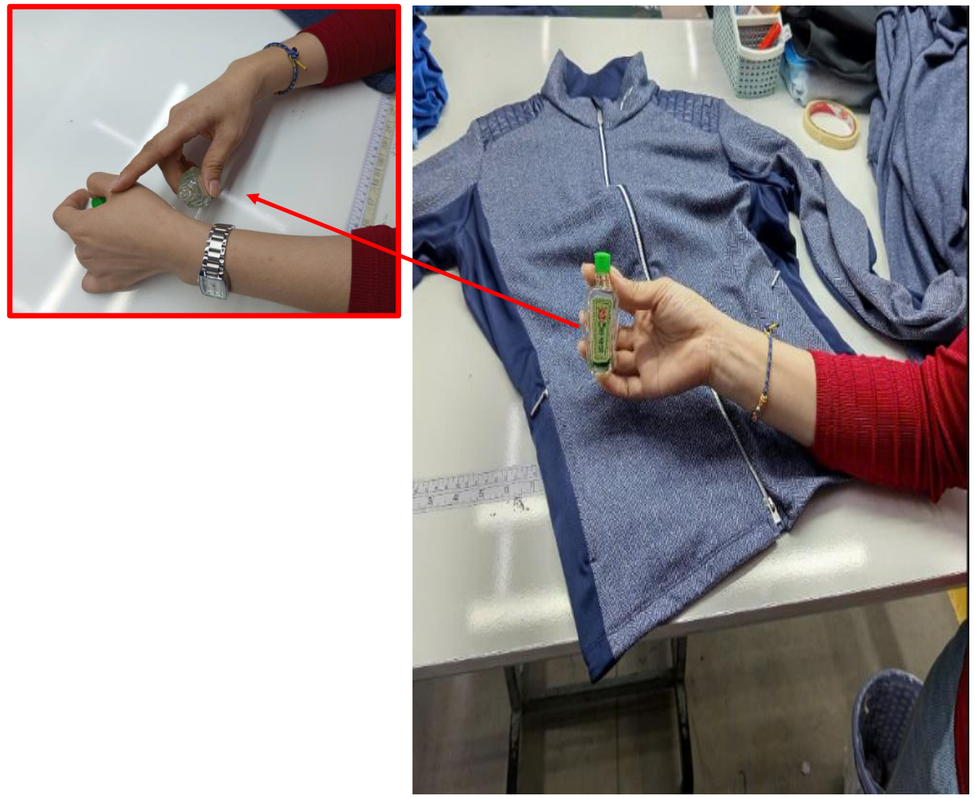	

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Tiết kiệm điện, nước, giấy,... Tắt khi không sử dụng/ **Requirement:** Save electric, water, paper,... Turn off when not in use	
	NOK	OK
TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG/ ENERGY SAVING	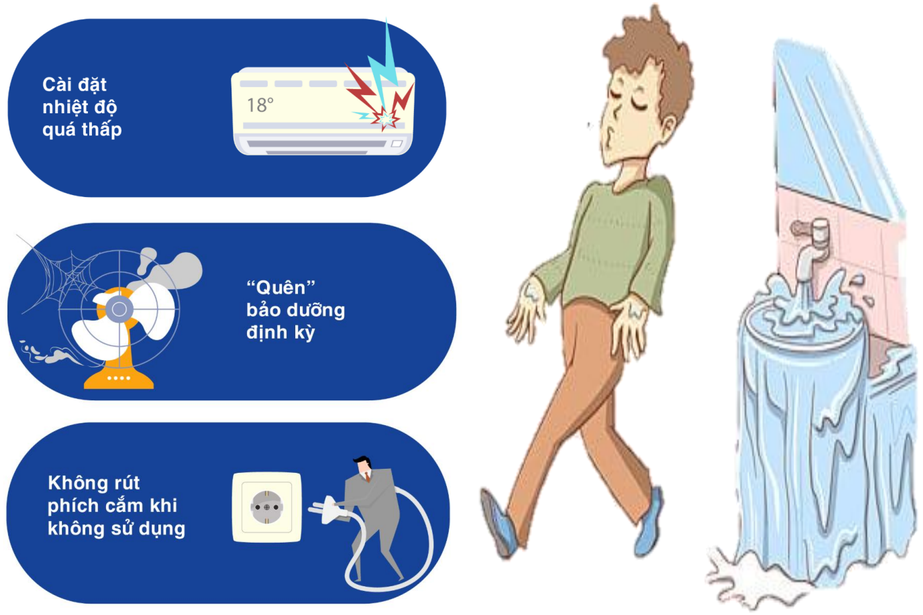	

Nhấn mũi tên để về Mục lục/
Click the arrow to return to Contents.

Chủ đề 2/ Topic 2: Thiết bị ứng phó khẩn cấp/ Emergency response equipment

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Các thiết bị, vật tư không được bố trí che chắn các thiết bị ứng phó khẩn cấp (PCCC, SCC, Ứng phó tràn đổ hóa chất,...)/ **Requirement:** Materia, goods, box do not block emergency response equipment (firefighting, spill containment, chemical spill response, etc)	
	NOK	OK
SẮP XẾP (VẬT LIỆU, HÀNG HÓA,...)/ ARRANGEMENT (MATERIALS, GOODS,...)		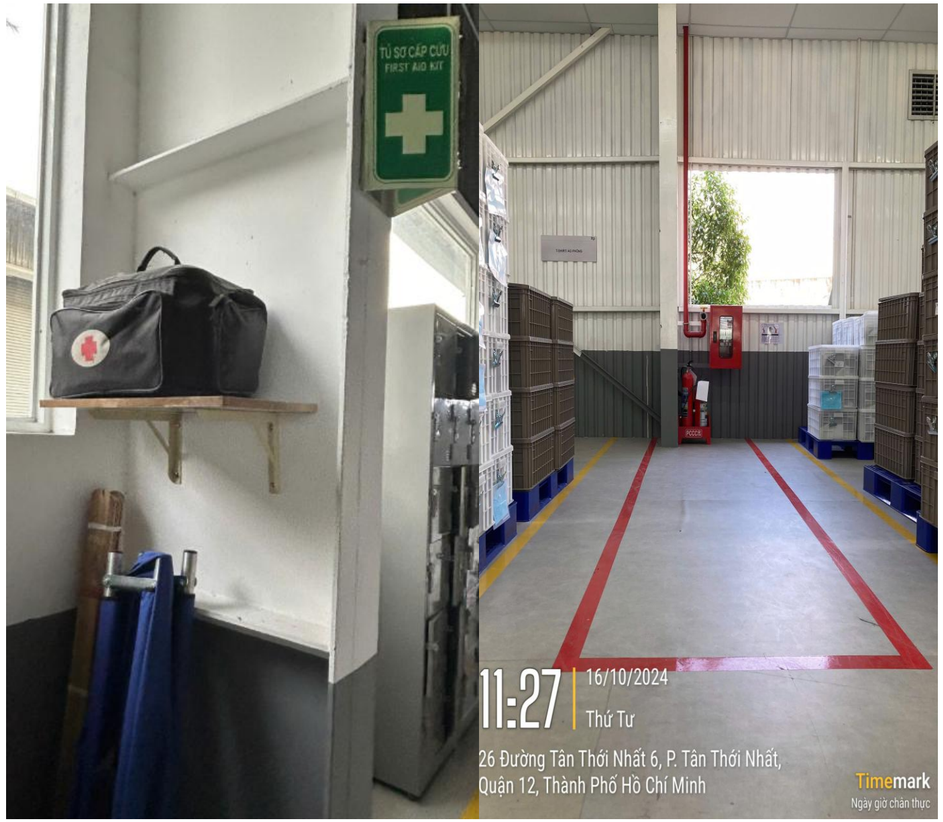

Chủ đề/ Topic	Yêu cầu: Sắp xếp, vệ sinh thiết bị ứng phó khẩn cấp theo quy định/ Requirement: Arrange, clean the emergency response equipment in right place follow the regulations	
	NOK	OK
THIẾT BỊ ỨNG PHÓ KHẨN CẤP/ EMERGENCY RESPONSE EQUIPMENT		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Hiển thị và thực hiện checklist kiểm tra thiết bị chữa cháy – sơ cấp cứu theo quy định (tần suất, nội dung, ...)/ **Requirement:** Display and implement checklist for Fire fighting equipment – First aid follow the regulations (frequency, content, ...)	
	NOK	OK
THIẾT BỊ ỨNG PHÓ KHẨN CẤP/ EMERGENCY RESPONSE EQUIPMENT		

Chủ đề/ Topic	Yêu cầu: Bình chữa cháy phải để trong sọt chứa theo quy định, không được để trực tiếp xuống nền sàn/ **Requirement:** Display and implement checklist for Fire fighting equipment – First aid follow the regulations (frequency, content,...)	
	NOK	OK
THIẾT BỊ ỨNG PHÓ KHẨN CẤP/ EMERGENCY RESPONSE EQUIPMENT		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Chỉ sử dụng thiết bị phòng cháy cho mục đích PCCC/ **Requirement:** Only use the fire fighting equipment for Fire protection objective	
	NOK	OK
THIẾT BỊ ỨNG PHÓ KHẨN CẤP/ EMERGENCY RESPONSE EQUIPMENT		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Các thiết bị phòng cháy chữa cháy phải hiển thị hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt/ **Requirement**: Fire protection equipment must display instructions by Vietnamese	
	NOK	OK
THIẾT BỊ ỨNG PHÓ KHẨN CẤP/ EMERGENCY RESPONSE EQUIPMENT		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Không khóa hoặc che chắn cửa thoát hiểm/ **Requirement:** No lock or block exit door	
	NOK	OK
THIẾT BỊ ỨNG PHÓ KHẨN CẤP/ EMERGENCY RESPONSE EQUIPMENT		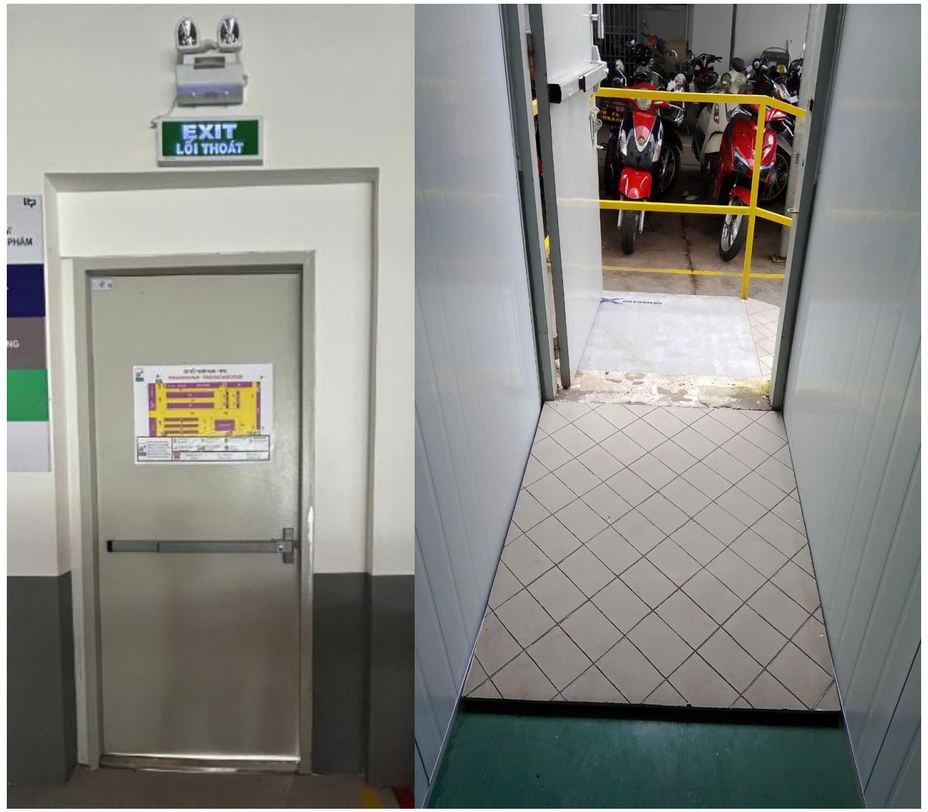

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Khu vực cửa thoát hiểm phải được bố trí thiết bị (đèn exit, đèn chiếu sáng khẩn cấp), bảng báo an toàn theo đúng quy định/ **Requirement:** The emergency exit area must be equipped with equipment (exit lights, emergency lights) and safety signs according to regulations	
	NOK	OK
THIẾT BỊ ỨNG PHÓ KHẨN CẤP/ EMERGENCY RESPONSE EQUIPMENT		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Các khu vực có độ ồn cao hoặc khu vực có người khuyết tật về thính giác phải lắp đèn chớp để thông báo khi có sự cố cháy nổ/ **Requirement:** Areas with high noise levels must install flashing lights	
	NOK	OK
BỐ TRÍ ĐÈN EXIT/ EXIT LIGHT		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Lối thoát hiểm phải được hiển thị, mũi tên chỉ đúng hướng thoát hiểm, nhìn rõ/ **Requirement:** Escape arrow Points in the right direction to escape, clearly visible	
	NOK	OK
BỐ TRÍ MŨI TÊN THOÁT HIỂM/ ESCAPE ARROW	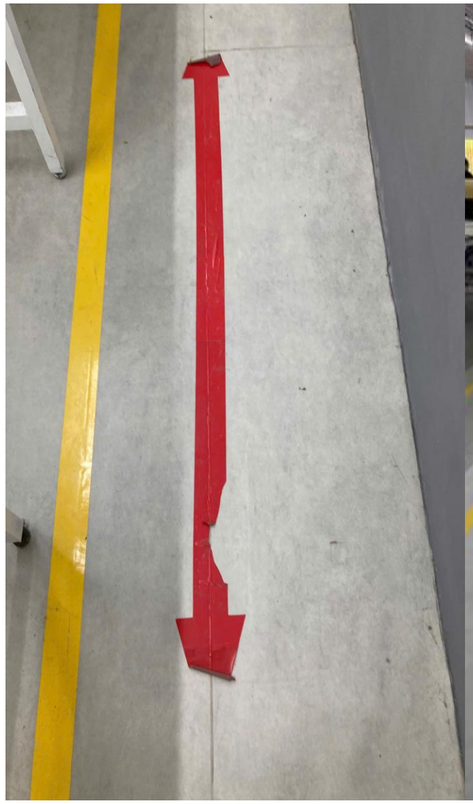 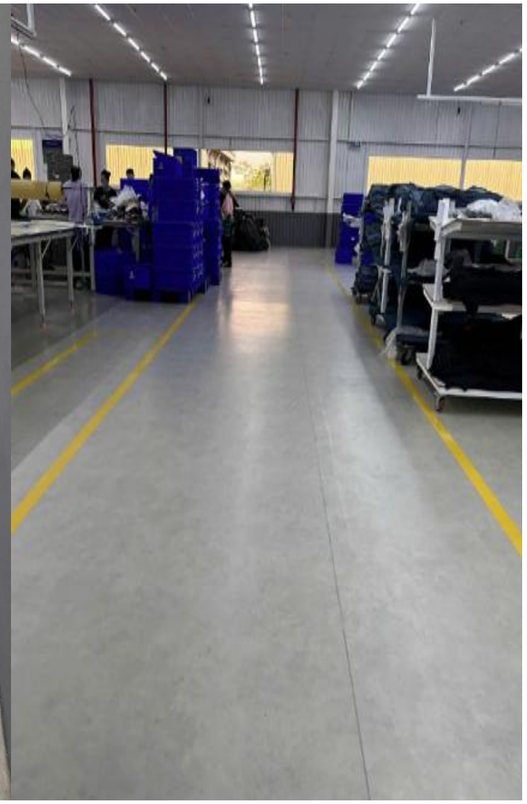	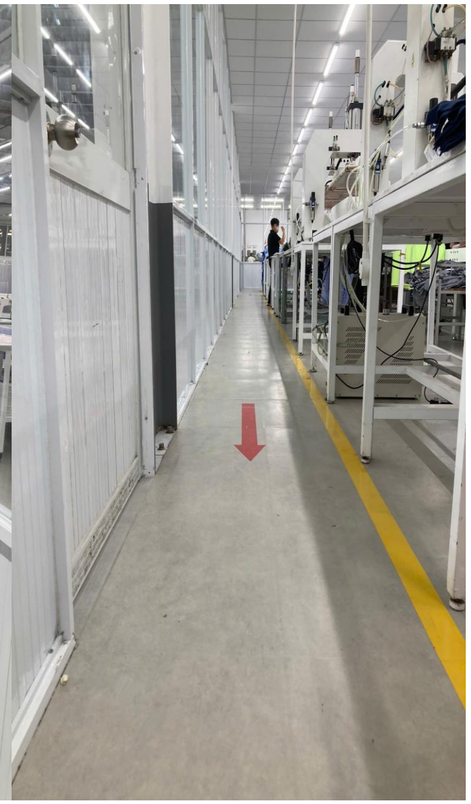

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Lối thoát hiểm tại chỗ bị che chắn/ **Requirement:** The emergency exit on site is obstructed	
	NOK	OK
LỐI THOÁT HIỂM/ EMERGENCY EXITS		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Túi sơ cấp cứu phải được theo dõi kiểm tra hàng tuần, loại bỏ các vật dụng đã hết hạn sử dụng / **Requirement:** The first aid kit must be monitored and checked weekly, with expired items removed	
	NOK	OK
TÚI SƠ CẤP CỨU/ FIRST AID KIT		

Nhấn mũi tên để về Mục lục/
Click the arrow to return to Contents.

Chủ đề 3/ Topic 3: Phương tiện bảo vệ cá nhân/ Personal Protective Equipment

Chủ đề/ Topic	Yêu cầu: Lưu trữ và bảo quản PPE theo quy định/ Requirement: Use and storage PPE as PPE regulations	
	NOK	OK
BẢO HỘ LAO ĐỘNG (BHLĐ)/ PERSONAL PROTECTIVE EQUIPMENT (PPE)		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Cấp phát đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động/ **Requirement:** Provide personal protective equipment to employees	
	NOK	OK
BẢO HỘ LAO ĐỘNG (BHLĐ)/ PERSONAL PROTECTIVE EQUIPMENT (PPE)	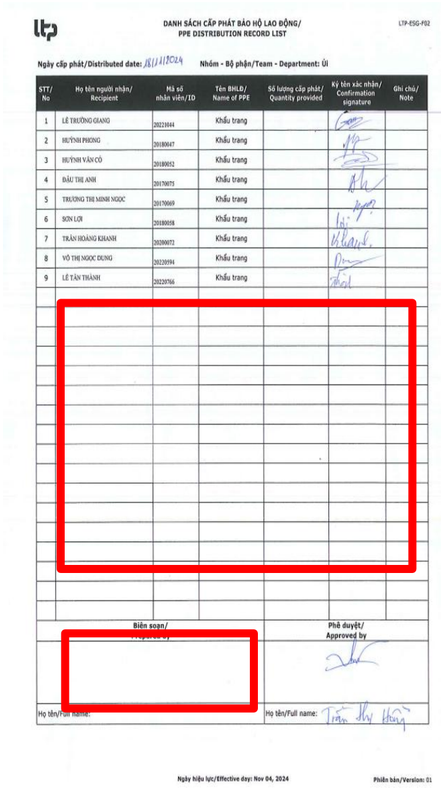 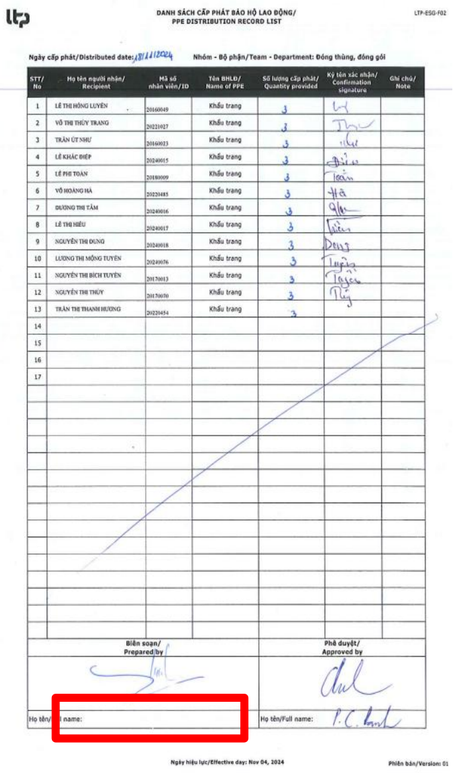	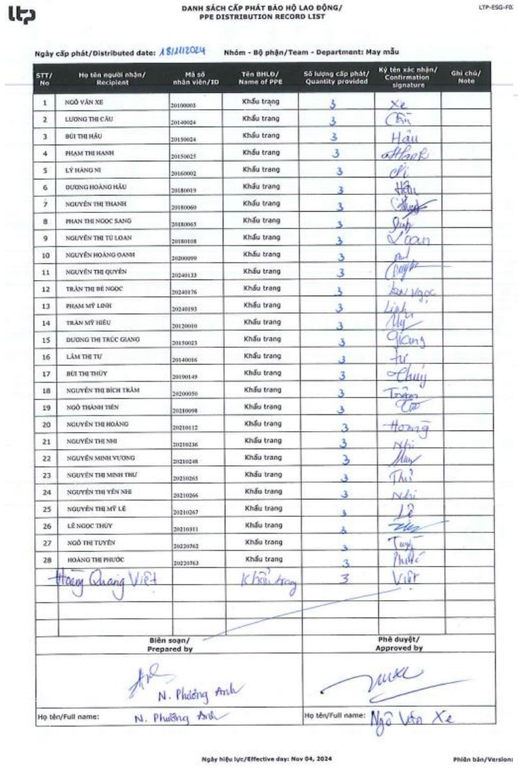 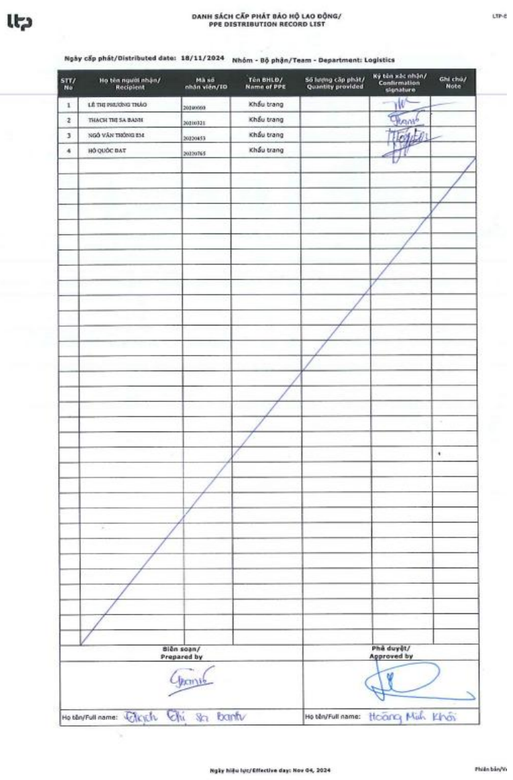

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Yêu cầu tuân thủ quy định bảo hộ lao động/ **Requirement:** The requirement to wear PPE (Personal Protective Equipment) while working	
	NOK	OK
BẢO HỘ LAO ĐỘNG (BHLĐ)/ PERSONAL PROTECTIVE EQUIPMENT (PPE)		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Công nhân làm việc trong tư thế đứng trong thời gian dài phải sử dụng thảm chống mỏi/ **Requirement:** Workers who stand for extended periods must use anti-fatigue mats.	
	NOK	OK
BẢO HỘ LAO ĐỘNG (BHLĐ)/ PERSONAL PROTECTIVE EQUIPMENT (PPE)		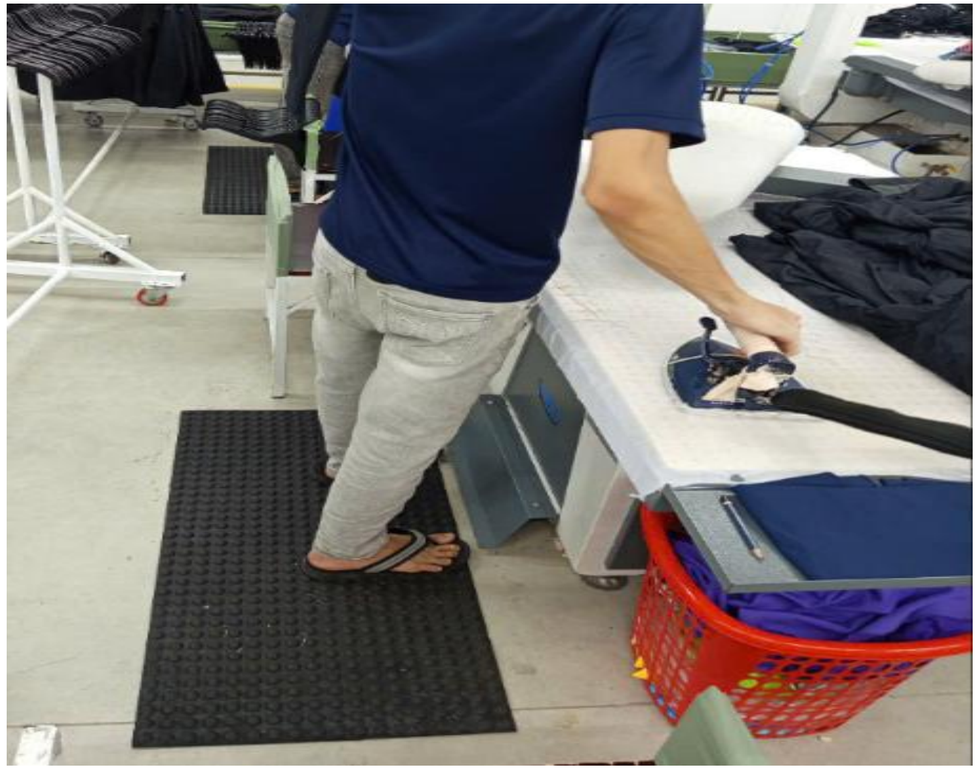

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Công nhân làm việc trong tư thế ngồi trong thời gian dài phải sử dụng ghế có lưng tựa và có thể điều chỉnh độ cao/ **Requirement:** Workers who sit for extended periods must use chairs with backrests and adjustable height.	
	NOK	OK
BẢO HỘ LAO ĐỘNG (BHLĐ)/ PERSONAL PROTECTIVE EQUIPMENT (PPE)		

Nhấn mũi tên để về Mục lục/
Click the arrow to return to Contents.

Chủ đề 4/ Topic 4: Chất xếp hàng hóa/ Goods stacking

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Độ cao chất xếp vật dụng, hàng hóa vừa tầm với NLĐ Không leo trèo lên các kệ hàng, khu vực nguy hiểm khi không có biện pháp an toàn/ **Requirement:** The height of stacking items and goods is within the reach of workers Do not climb on shels, dangerous area without safety solutions	
	NOK	OK
SẮP XẾP KỆ HÀNG/ ARRANGE SHELVES (BOX, STOCK, ...)		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Hộp đựng nguyên liệu không được để trực tiếp trên sàn mà phải để trên kệ hoặc pallet nhựa theo quy định/ **Requirement:** Material box do not put in floor directly It shall be put on the shelf or the plastic pallet as regulation	
	NOK	OK
SẮP XẾP (VẬT LIỆU, HÀNG HÓA,...)/ ARRANGEMENT (MATERIALS, GOODS,...)		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Độ cao chất xếp vật dụng, hàng hóa cách đầu báo sprinkler tối thiểu 0.5m Không che chắn các thiết bị chỉ dẫn PCCC/ **Requirement:** The height of stacking items and goods should be at least 0.5 meters away from the sprinkler Do not block any fire protection devices	
	NOK	OK
SẮP XẾP KỆ HÀNG/ ARRANGE SHELVES (BOX, STOCK, ...)		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Hàng hóa xếp trên kệ phải ngay ngắn, không nghiên, ngã/ **Requirement:** Goods stacked on shelves must be arranged neatly, not tilted or leaning	
	NOK	OK
SẮP XẾP KỆ HÀNG/ ARRANGE SHELVES (BOX, STOCK, ...)		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Đặt bình nước uống vào tủ cá nhân theo quy định/ **Requirement:** Bottle of drinking water put in the personal locker as regulation	
	NOK	OK
ĐỂ CHAI UỐNG NƯỚC ĐÚNG VỊ TRÍ/ PUT BOTTLE OF WATER FOR WORKER IN RIGHT AREA		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Thực hiện 6S khu vực làm việc/ **Requirement:** Conduct 6S at working area	
	NOK	OK
SẮP XẾP (VẬT LIỆU, HÀNG HÓA,...)/ ARRANGEMENT (MATERIALS, GOODS,...)		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Hàng hóa, vật liệu khi di chuyển phải đặt trên xe, hoặc sọt có bánh xe. Nghiêm cấm kéo lê trên sàn để tránh gây hư hỏng mặt sàn và mất an toàn. **Requirement:** Goods and materials must be placed on carts or trolleys with wheels when being moved. Dragging them on the floor is strictly prohibited to avoid damaging the floor surface and to ensure safety.	
	NOK	OK
DI CHUYỂN HÀNG HÓA/ GOODS MOVEMENT	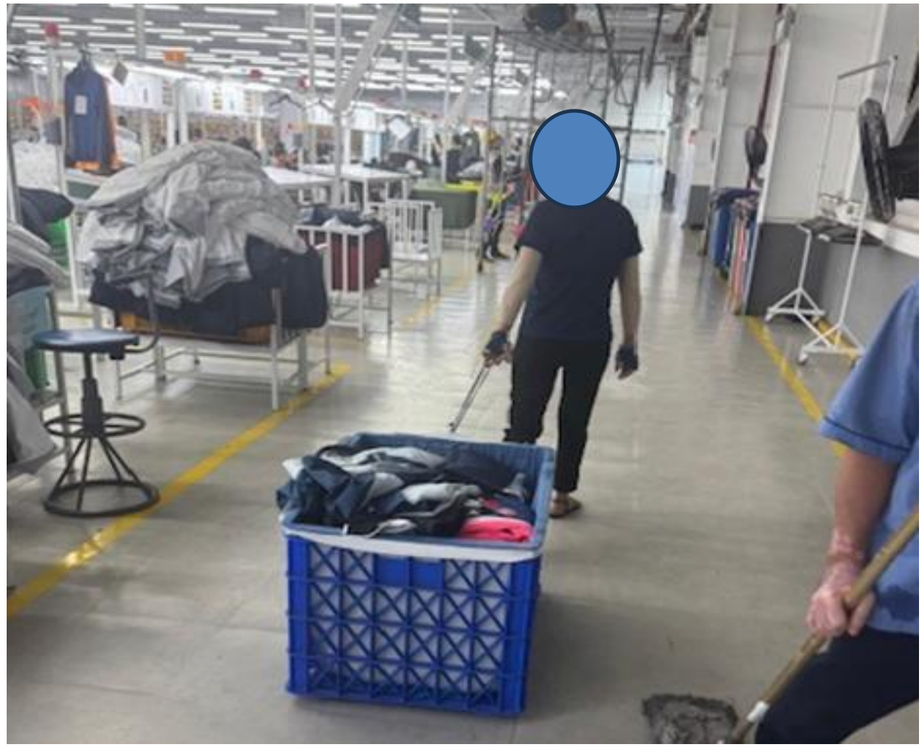	

Nhấn mũi tên để về Mục lục/
Click the arrow to return to Contents.

Chủ đề 5/ Topic 5: Nhãn – Biểu tượng/ Labels - Symbols

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Vật liệu phải được phân loại với nhãn theo hướng dẫn thực hiện thẻ ID (Mã số: LTP–QA–WI002)/ **Requirement:** Material must be sorted with label as ID card implementation WI (Code: LTP–QA–WI002)	
	NOK	OK
SẮP XẾP (VẬT LIỆU, HÀNG HÓA,...)/ ARRANGEMENT (MATERIALS, GOODS,...)		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Các nhãn cảnh báo (VD: Cảnh báo an toàn, Bảng tên khu vực,...) phải hiển thị theo chuẩn, thống nhất/ **Requirement:** Sign (Ex: Safety sign, Name area, ...) need to be displayed standard	
	NOK	OK
KÍ HIỆU CẢNH BÁO – NHÃN THÔNG TIN/ WARNING SIGN – LABEL	**CHÚ Ý : NHIỆT ĐỘ CAO** **KHÔNG PHẬN SỰ CẤM VÀO** **KHU VỰC HÚT THUỐC**	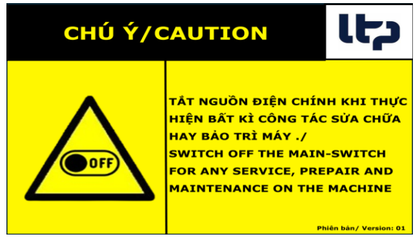

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Các nhãn cảnh báo – Cấm – Thông tin phải hiển thị theo chuẩn, đầy đủ thông tin, thống nhất / **Requirement:** Sign warning – Do not – information need to be standard	
	NOK	OK
KÍ HIỆU CẢNH BÁO – NHÃN THÔNG TIN/ WARNING SIGN - LABEL		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Các nhãn hiển thị trên máy (tên nút nhấn, cảnh báo an toàn, ...) phải hiển thị tiếng Việt/ **Requirement:** Label on machine (buttons, safety sign, ...) by Vietnamese	
	NOK	OK
KÍ HIỆU CẢNH BÁO – NHÃN THÔNG TIN/ WARNING SIGN - LABEL		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Các nắp cống nước thải, nước mưa phải được đánh dấu bằng màu sắt riêng biệt/ **Requirement:** The manhole covers for wastewater and rainwater must be marked with distinct colors	
	NOK	OK
KÍ HIỆU CẢNH BÁO – NHÃN THÔNG TIN/ WARNING SIGN - LABEL		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Tủ locker phải được đánh số thứ tự đồng nhất với nhau **Requirement:** The lockers must be numbered consecutively and consistently	
	NOK	OK
KÍ HIỆU - NHÃN THÔNG TIN TỦ LOCKER/ SIGN – LABEL LOCKERS		

Nhấn mũi tên để về Mục lục/
Click the arrow to return to Contents.

Chủ đề 6/ Topic 6: Rác thải/ Waste

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Bố trí thùng rác phù hợp, đặt trong layout và hiển thị nhãn dán phân loại theo quy định Phải đảm bảo rác được phân loại theo nhãn được dán trên thùng **Requirement:** Arrange waste bins appropriately, place them within the layout, and display classification labels according to regulations Ensure that waste is sorted according to the labels on the waste bins	
	NOK	OK
SẮP XẾP, BỐ TRÍ THÙNG RÁC, NHÃN RÁC/ ARRANGE WASTE BOX		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Rác thải sau khi di chuyển từ các bộ phận phải được tập kết đúng tại từng loại nhà rác theo quy định Không để rác thải ngoài trời khi không có nắp đậy kín/ **Requirement:** Waste transported from departments must be properly collected at the designated waste storage areas according to regulations Do not leave waste outdoors without tightly sealed covers	
	NOK	OK
RÁC THẢI (RÁC SẢN XUẤT: VẢI VỤN, NILON, CARTON; RÁC SINH HOẠT, RÁC THẢI NGUY HẠI,...)/ WASTE (SCRAP, HOUSEHOLD, CARTON, HAZARDOUS ...)		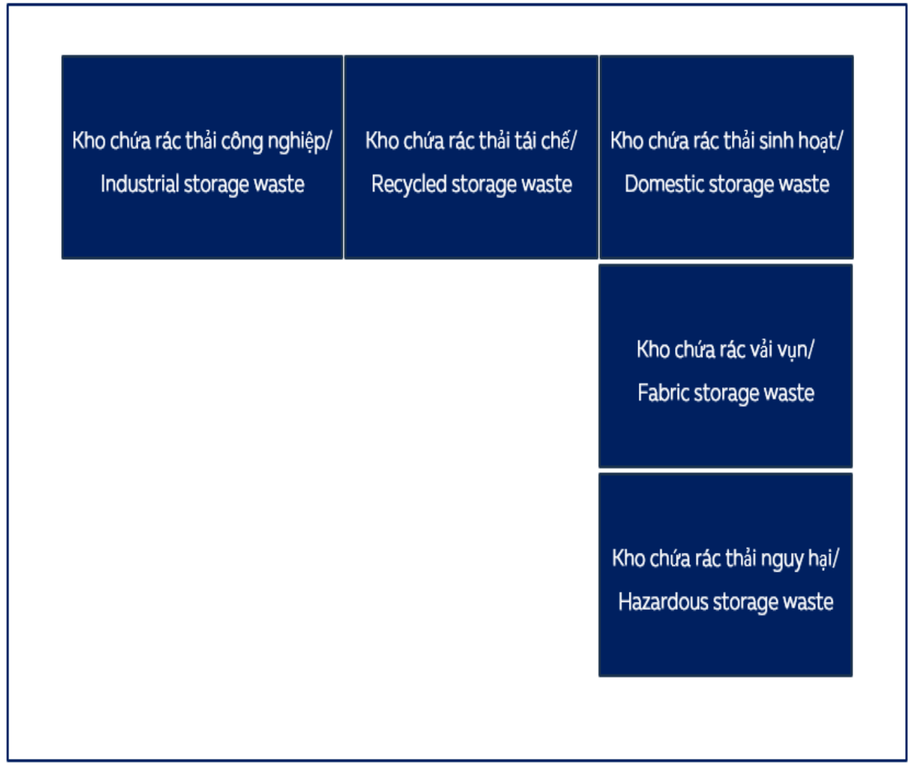

Nhấn mũi tên để về Mục lục/
Click the arrow to return to Contents.

Chủ đề 7/ Topic 7: Hóa chất/ Chemicals

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Chai lọ chứa hóa chất phải hiển thị tem nhãn hóa chất theo quy định/ **Requirement:** Bottles containing chemicals must display chemical labels according to regulations	
	NOK	OK
AN TOÀN HOÁ CHẤT / SAFETY CHEMICAL		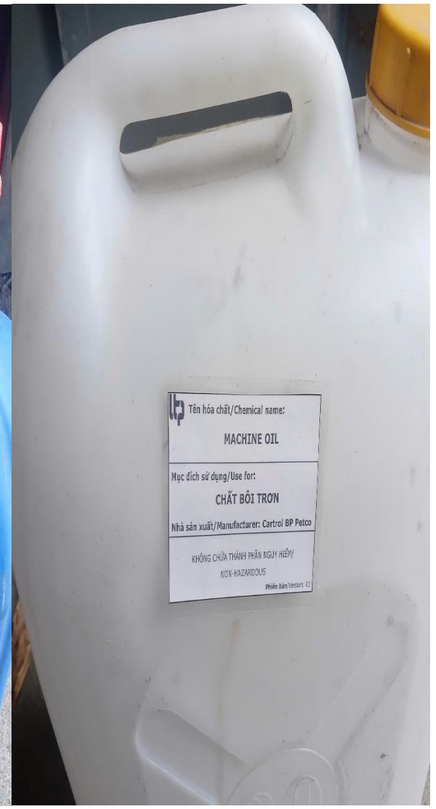

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Khu vực sử dụng lưu trữ hóa chất cần hiển thị phiếu an toàn hóa chất (MSDS) có nội dung 16 mục theo quy định và còn hiệu lực không quá 5 năm kể từ lần cập nhật gần nhất/ **Requirement:** Chemical storage and usage areas must display Material Safety Data Sheets (MSDS) containing the 16 required sections as per regulations, with validity not exceeding 5 years from the latest update	
	NOK	OK
AN TOÀN HÓA CHẤT/ SAFETY CHEMICAL	 	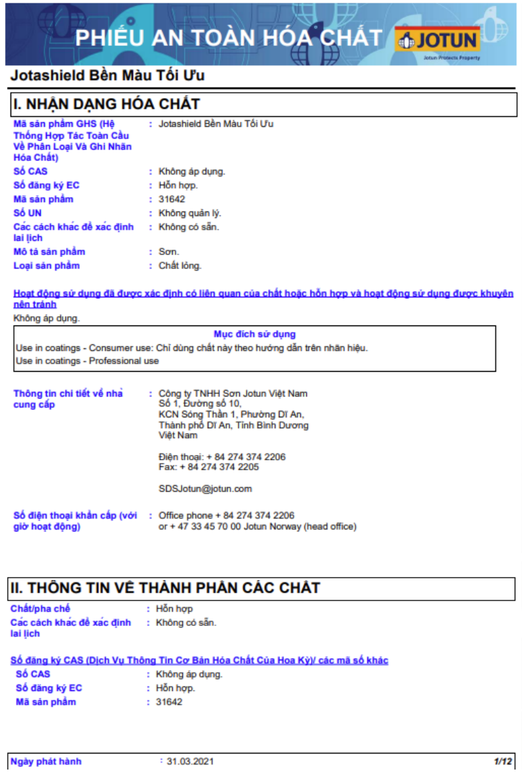 PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT JOTUN Jotashield Bền Màu Tối Ưu I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất) : Jotashield Bền Màu Tối Ưu Số CAS : Không áp dụng. Số đăng ký EC : Hỗn hợp. Mã sản phẩm : 31642 Số UN : Không quản lý. Các cách khác để xác định lai lịch : Không có sẵn. Mô tả sản phẩm : Sơn. Loại sản phẩm : Chất lỏng. Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyên nên tránh Không áp dụng. Mục đích sử dụng Use in coatings - Consumer use: Chỉ dùng chất này theo hướng dẫn trên nhãn hiệu. Use in coatings - Professional use Thông tin chi tiết về nhà cung cấp : Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam Số 1, Đường số 10, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Việt Nam Điện thoại: + 84 274 374 2206 Fax: + 84 274 374 2205 SDSJotun@jotun.com Số điện thoại khẩn cấp (với giờ hoạt động) : Office phone + 84 274 374 2206 or + 47 33 45 70 00 Jotun Norway (head office) II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT Chất/pha chế : Hỗn hợp Các cách khác để xác định lai lịch : Không có sẵn. Số đăng ký CAS (Dịch Vụ Thông Tin Cơ Bản Hóa Chất Của Hoa Kỳ/ các mã số khác Số CAS : Không áp dụng. Số đăng ký EC : Hỗn hợp. Mã sản phẩm : 31642 Ngày phát hành : 31.03.2021 1/12

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Khu vực kho hóa chất phải hiển thị thông tin cảnh báo an toàn hóa chất bố trí thiết bị chữa cháy với số lượng, chủng loại theo quy định/ **Requirement:** Warning label for Chemical Warehouse	
	NOK	OK
SẮP XẾP KHU VỰC HÓA CHẤT/ ARRANGEMENT CHEMICAL AREA	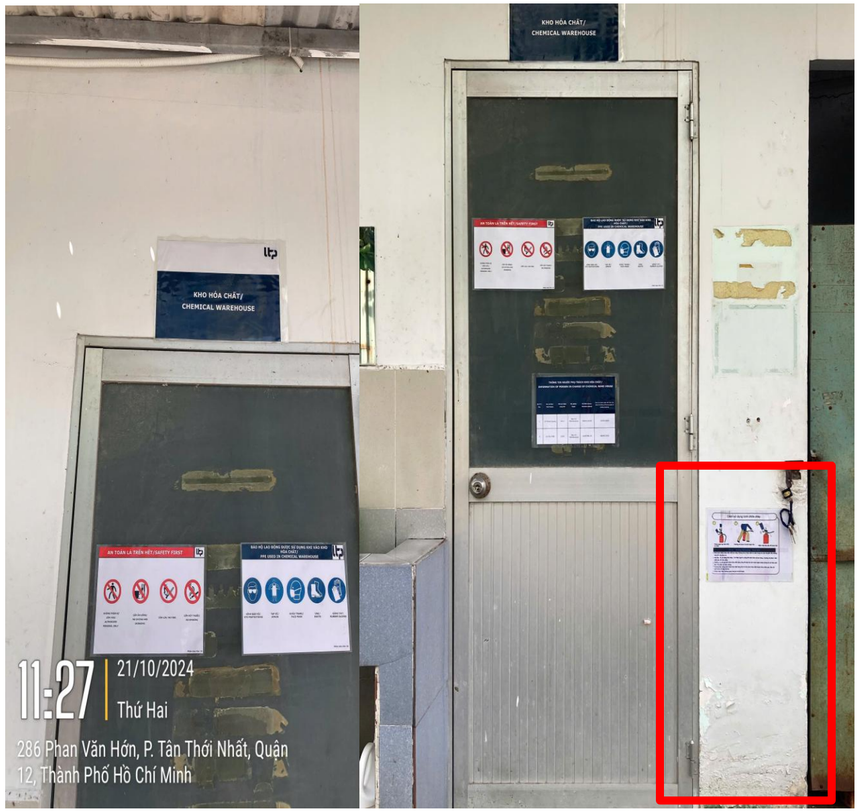	

Nhấn mũi tên để về Mục lục/
Click the arrow to return to Contents.

Chủ đề 8/ Topic 8: An toàn điện/ Electrical Safety

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Dây điện phải có lớp vỏ bảo vệ, cố định gọn gàng trong khay máng điện/ **Requirement:** Electrical wires must have protective insulation and be neatly secured within cable trays or conduits	
	NOK	OK
6S HỆ THỐNG ĐIỆN/ 6S ELECTRICAL SYSTEM		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Các nút công tắc hiển thị tiếng Việt và phải có lớp vỏ che chắn bên trong để tránh tiếp xúc trực tiếp với bản mạch vị trí bên trong tủ điện mà có khả năng gây điện giật/ **Requirement:** Switch buttons must be labeled in Vietnamese and equipped with protective inner covers to prevent direct contact with internal circuit boards in electrical cabinets that could pose a risk of electric shock	
	NOK	OK
HỆ THỐNG ĐIỆN/ ELECTRICAL SYSTEM	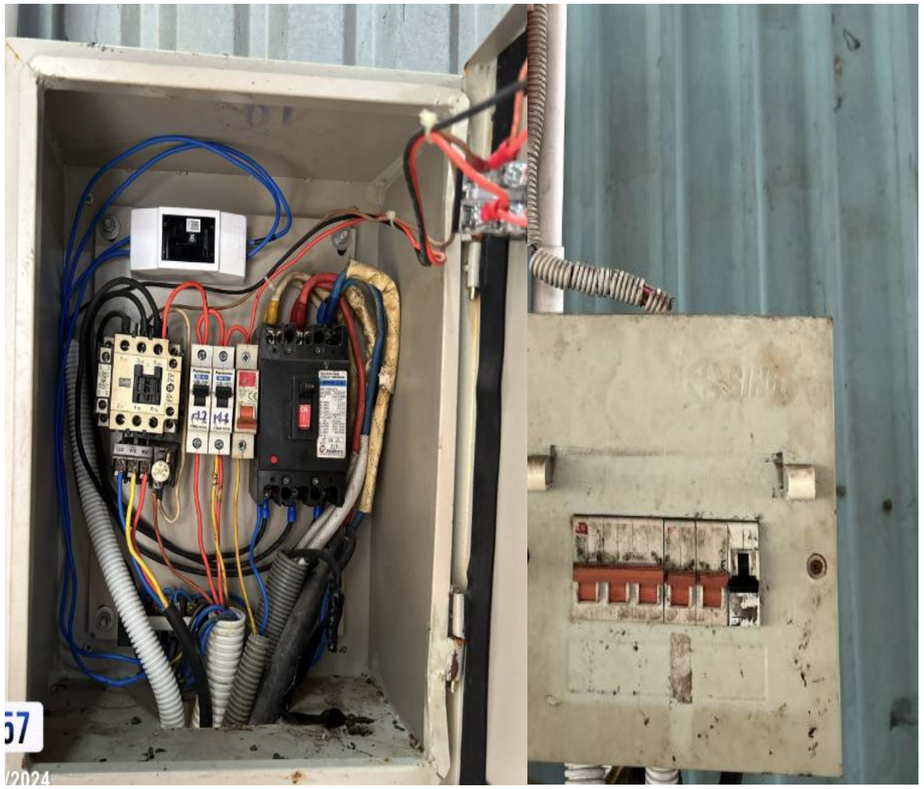	

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Không che chắn tủ điện/ **Requirement:** Do not block around electric Cabinet	
	NOK	OK
HỆ THỐNG ĐIỆN/ ELECTRICAL SYSTEM		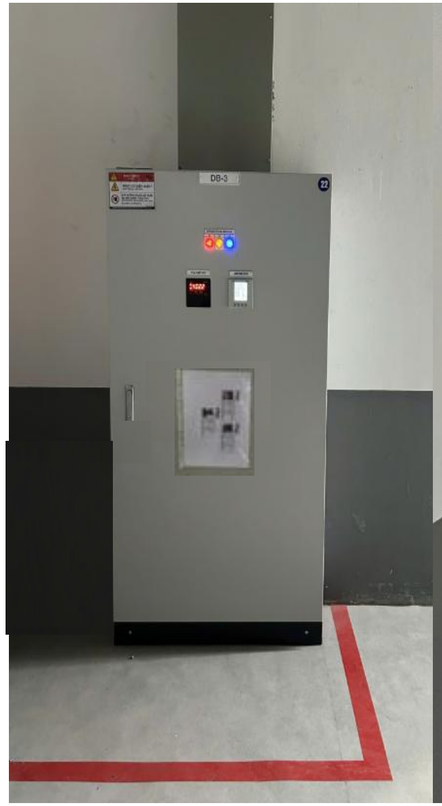

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Dây điện, ổ cắm điện không bong tróc, không dán băng keo/ **Requirement:** Electrical wires and sockets are not peeling or covered with tape	
	NOK	OK
HỆ THỐNG ĐIỆN/ ELECTRICAL SYSTEM	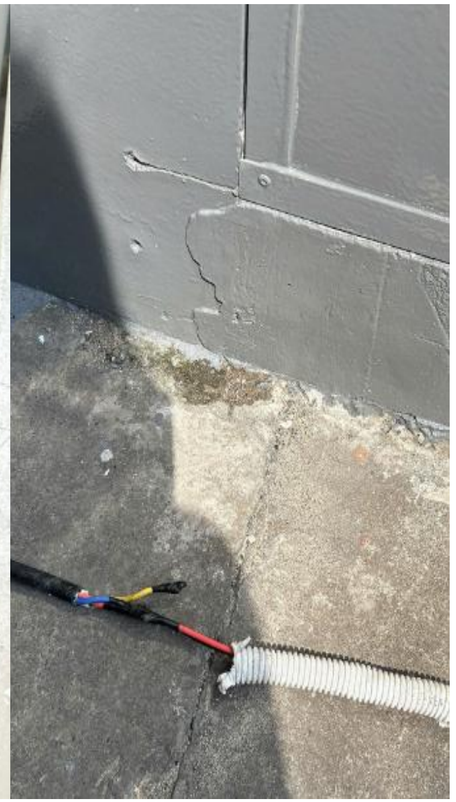	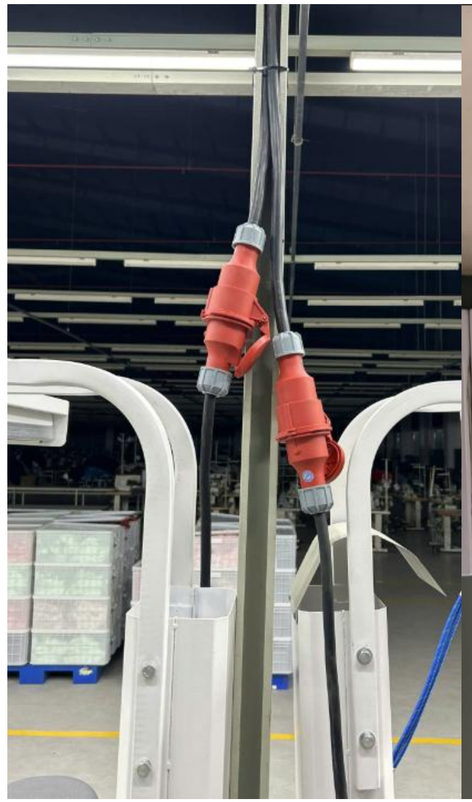

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Sử dụng phích cắm an toàn Không cắm dây điện trần vào ổ điện/ **Requirement:** Use safety plugs Do not insert exposed wires into electrical sockets	
	NOK	OK
HỆ THỐNG ĐIỆN/ ELECTRICAL SYSTEM		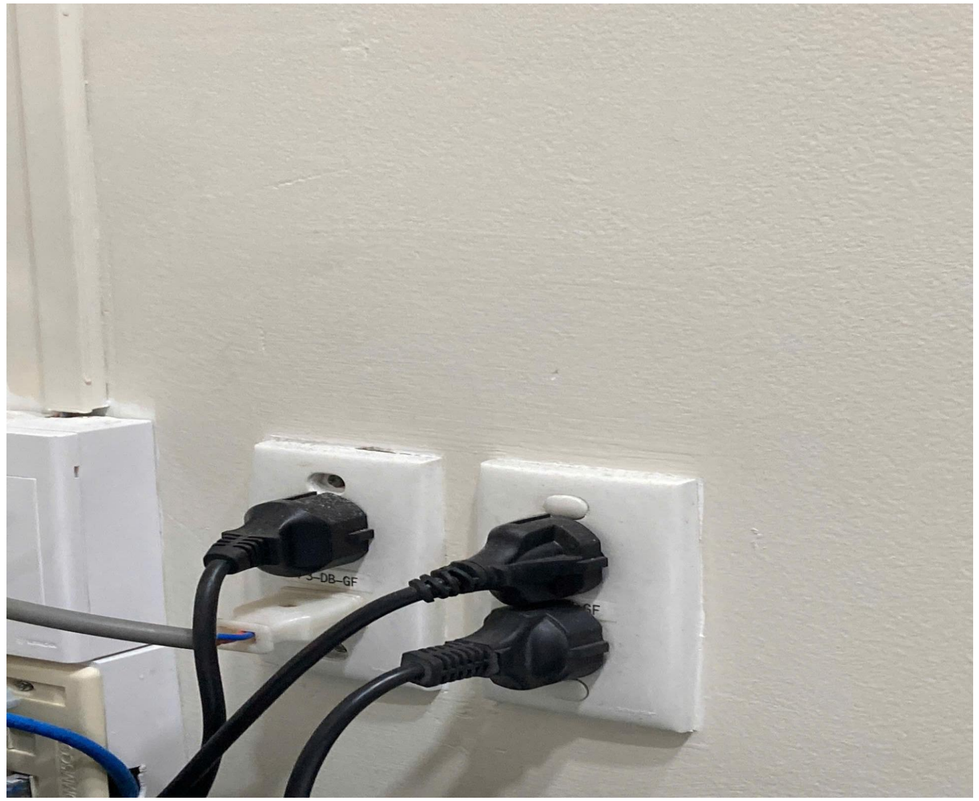

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Thực hiện kiểm tra vận hành tủ điện Hiển thị nhãn cảnh báo an toàn, thông tin người vận hành, checklist kiểm tra bên ngoài tủ điện/ **Requirement:** Perform an operational check of the electrical cabinet Display safety warning labels, operator information, and inspection checklists on the outside of the cabinet	
	NOK	OK
HỆ THỐNG ĐIỆN/ ELECTRICAL SYSTEM		

Nhấn mũi tên để về Mục lục/
Click the arrow to return to Contents.

Chủ đề 9/ Topic 9: Máy móc – Thiết bị/ Machinery - Equipment

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Chắn kim (gần chân vịt) phải được lắp không quá 1.5cm tính từ mặt bàn may (Trừ trường hợp hàng đặc biệt và được sự cho phép của quản lý, tổ trưởng)/ **Requirement:** The needle guard (near the propeller) must be installed no more than 25 cm from the sewing table surface (except for special cases with the approval of the manager or team leader)	
	NOK	OK
CHẮN KIM CỦA MÁY MAY/ COVER OF NEEDLE	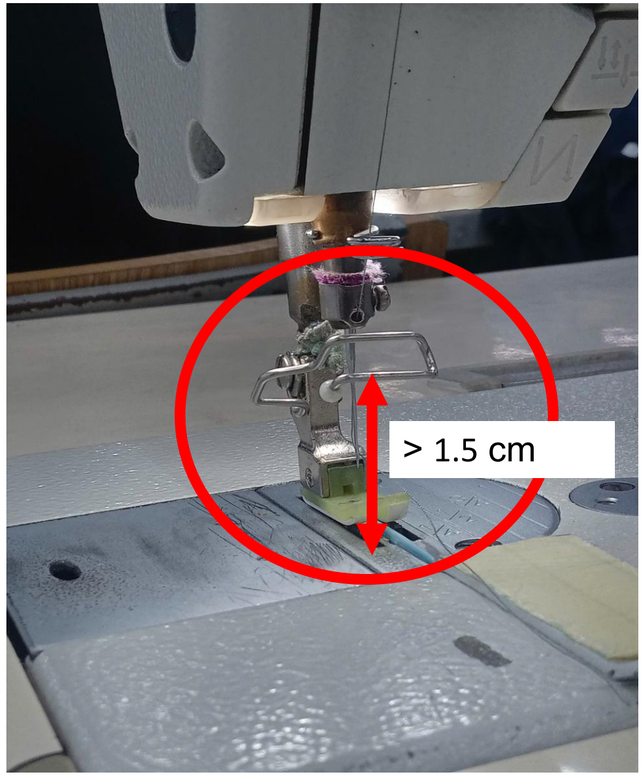	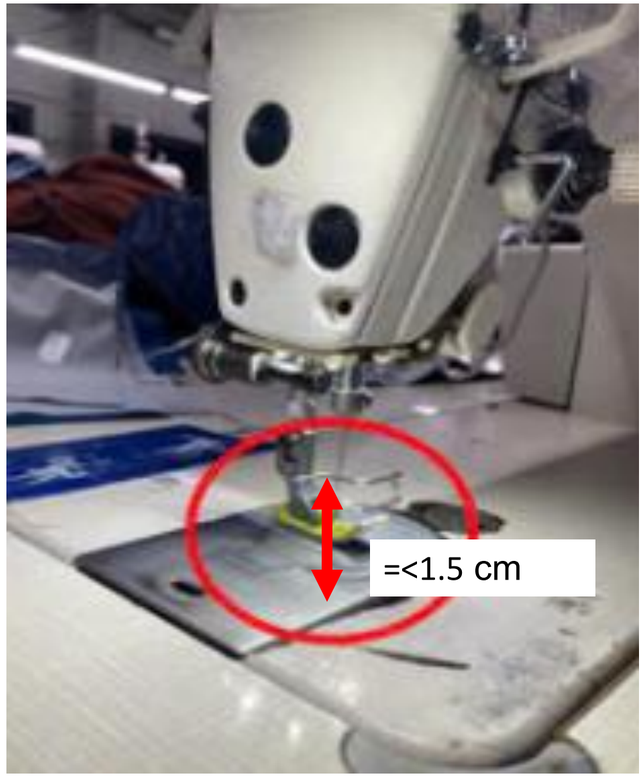

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Cảnh báo an toàn phải được hiển thị ở những vị trí có rủi ro/ **Requirement:** Safety warnings must be displayed in areas with the risk	
	NOK	OK
HIỂN THỊ CẢNH BÁO/ DISPLAY ALERTS		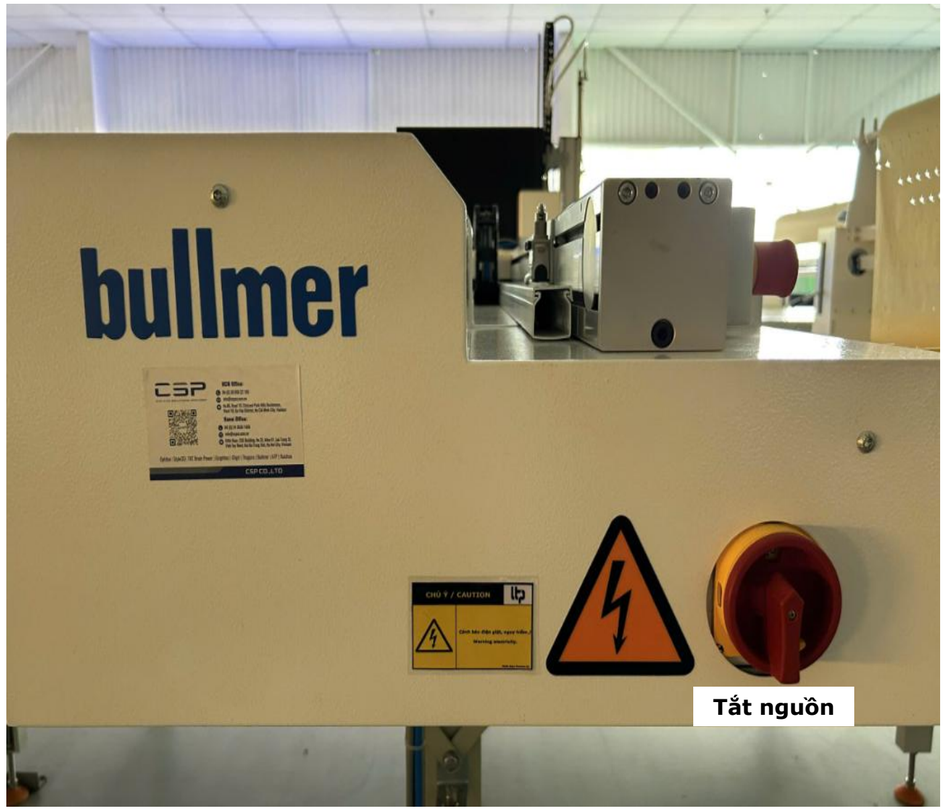

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Cảnh báo an toàn phải được hiển thị ở những vị trí có rủi ro và được thể hiện bằng tiếng Việt/ **Requirement:** Safety warnings must be displayed in areas with potential risks and written in Vietnamese	
	NOK	OK
HIỂN THỊ CẢNH BÁO/ DISPLAY ALERTS		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Không được cô lập cảm biến/che chắn an toàn/ **Requirement:** Do not isolate sensors or obstruct safety cover	
	NOK	OK
HIỂN THỊ CẢNH BÁO/ DISPLAY ALERTS		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Máy móc sau khi sử dụng phải tắt và đặt về đúng vị trí/ **Requirement:** Machines must be turned off and returned to their proper position after use.	
	NOK	OK
VẬN HÀNH MÁY MÓC/ MACHINE OPERATION		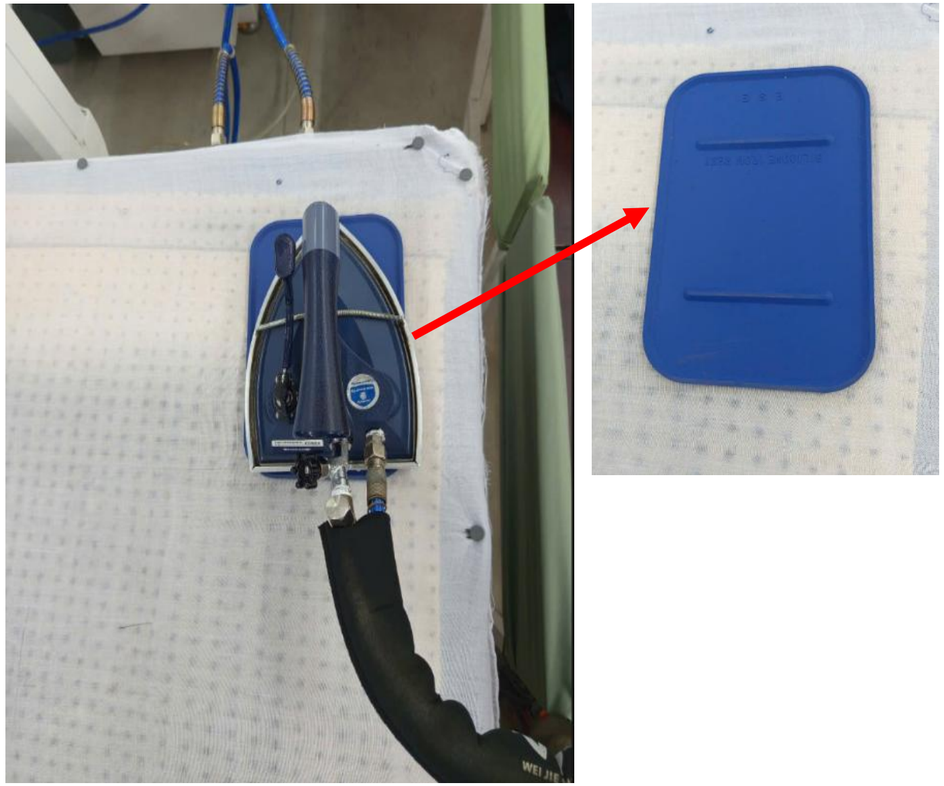

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Luôn mang giày, dép khi vận hành các máy móc, thiết bị/ **Requirement:** Always wear shoes or sandals when operating machines and equipment	
	NOK	OK
VẬN HÀNH MÁY MÓC/ MACHINE OPERATION		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Trang bị và thực hiện checklist kiểm tra vận hành cho máy móc thiết bị, đặc biệt là thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt/ **Requirement:** Equip and conduct operational checklist for machinery and equipment, especially those with strict requirements	
	NOK	OK
BỐ TRÍ MÁY MÓC / ARRANGEMENT MACHINE		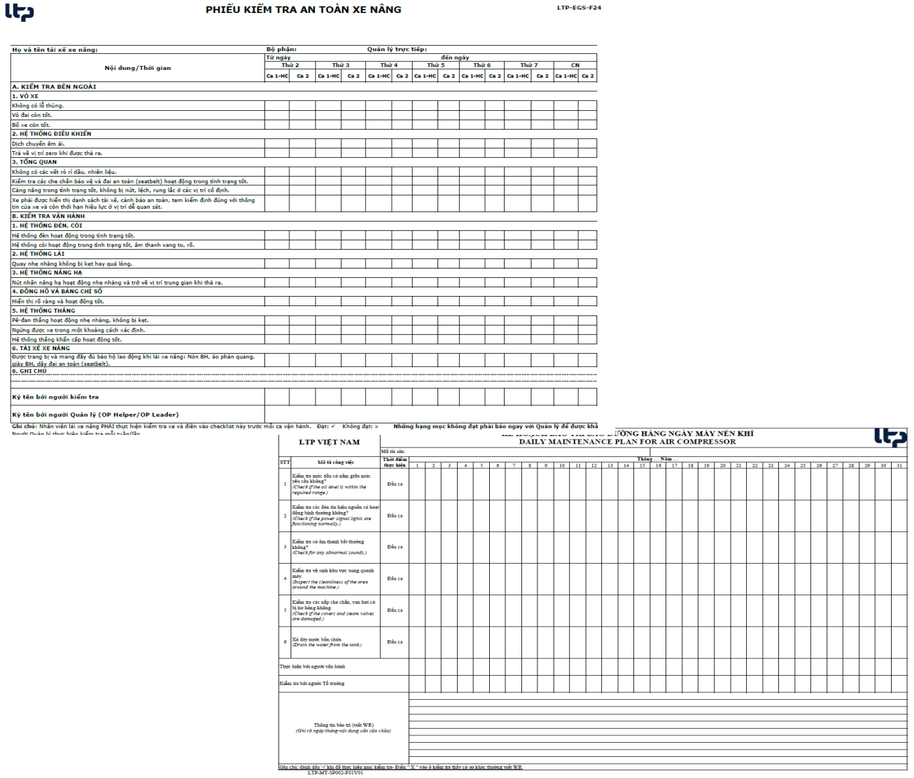

PHIẾU KIỂM TRA AN TOÀN XE NÂNG LTP-EGS-F24

Họ và tên tài xế xe nâng: Bộ phận: Quản lý trực tiếp:

Nội dung/Thời gian	Từ ngày												đến ngày	
	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN	
	Ca 1+HC	Ca 2	Ca 1+HC	Ca 2	Ca 1+HC	Ca 2	Ca 1+HC	Ca 2	Ca 1+HC	Ca 2	Ca 1+HC	Ca 2	Ca 1+HC	Ca 2
A. KIỂM TRA BÊN NGOÀI														
1. VỎ XE														
Không có lỗ thủng.														
Vỏ đai còn tốt.														
Bổ xe còn tốt.														
2. HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN														
Dịch chuyển êm ái.														
Trả về vị trí zero khi được thả ra.														
3. TỔNG QUAN														
Không có các vết rò rỉ dầu, nhiên liệu.														
Kiểm tra các che chắn bảo vệ và đai an toàn (seatbelt) hoạt động trong tình trạng tốt.														
Càng nâng trong tình trạng tốt, không bị nứt, lệch, rung lắc ở các vị trí cố định.														
Xe phải được hiển thị danh sách tài xế, cảnh báo an toàn, tem kiểm định đúng với thông tin của xe và còn thời hạn hiệu lực ở vị trí dễ quan sát.														
B. KIỂM TRA VẬN HÀNH														
1. HỆ THỐNG ĐÈN, CÒI														
Hệ thống đèn hoạt động trong tình trạng tốt.														
Hệ thống còi hoạt động trong tình trạng tốt, âm thanh vang to, rõ.														
2. HỆ THỐNG LÁI														
Quay nhẹ nhàng không bị kẹt hay quá lỏng.														
3. HỆ THỐNG NÂNG HẠ														
Nút nhấn nâng hạ hoạt động nhẹ nhàng và trở về vị trí trung gian khi thả ra.														
4. ĐỒNG HỒ VÀ BẢNG CHỈ SỐ														
Hiển thị rõ ràng và hoạt động tốt.														
5. HỆ THỐNG THẮNG														
Pê-đan thắng hoạt động nhẹ nhàng, không bị kẹt.														
Ngưng được xe trong một khoảng cách xác định.														
Hệ thống thắng khẩn cấp hoạt động tốt.														
6. TÀI XẾ XE NÂNG														
Được trang bị và mang đầy đủ bảo hộ lao động khi lái xe nâng: Nón BH, áo phản quang, giày BH, dây đai an toàn (seatbelt).														
6. GHI CHÚ:														
Ký tên bởi người kiểm tra														
Ký tên bởi người Quản lý (OP Helper/OP Leader)														

Ghi chú: Nhân viên lái xe nâng PHẢI thực hiện kiểm tra xe và điền vào checklist này trước mỗi ca vận hành. Đạt: ✓ Không đạt: x **Những hạng mục không đạt phải báo ngay với Quản lý để được khắ**

Người Quản lý phụ trách kiểm tra mỗi buổi sáng

LTP VIỆT NAM — **DÒNG HÀNG NGÀY MÁY NÉN KHÍ / DAILY MAINTENANCE PLAN FOR AIR COMPRESSOR**

Mã tài sản:

STT	Mô tả công việc	Thời điểm thực hiện	Tháng ... Năm ...																													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
1	Kiểm tra mức dầu có nằm giữa mức "đầy và thấp" (Check if the oil level is within the required range.)	Đầu ca																															
2	Kiểm tra các đèn tín hiệu ngoài có hoạt động bình thường không? (Check if the panel lights are functioning normally.)	Đầu ca																															
3	Kiểm tra có âm thanh bất thường không? (Check for any abnormal sounds.)	Đầu ca																															
4	Kiểm tra vệ sinh khu vực xung quanh máy (Ensure the cleanliness of the area around the machine.)	Đầu ca																															
5	Kiểm tra các nắp che chắn, van bơi có bị hư hỏng không? (Check if the covers and safety valves are damaged.)	Đầu ca																															
6	Xả ống nước bồn chứa (Drain the water from the tank.)	Đầu ca																															
Thực hiện bởi người vận hành																																	
Kiểm tra bởi người Tổ trưởng																																	
Thông tin bảo trì (nếu WR) (Ghi rõ ngày tháng nếu đang cần sửa chữa)																																	

Ghi chú: Đánh dấu "✓" khi đã thực hiện xong kiểm tra. Điền "X" vào ô kiểm tra thời gian có sự bất thường với WR

LTP-MT-SPO2-F03(V3)

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Xe nâng hàng phải đươc lắp đặt thiết bị cảnh báo, đèn, còi, LED red zone warning light, danh sách người vận hành Người vận hành phải là người đã có chứng chỉ nghề vận hành xe nâng (vô thời hạn) và thẻ an toàn nhóm 3 về an toàn vận hành xe nâng (có hiệu lực không quá 2 năm kể từ lần huấn luyện gần nhất) **Requirement:** Forklifts must be equipped with warning devices, lights, horns, LED red zone warning lights, and a list of authorized operators Operators must hold a permanent forklift operation certificate and a Group 3 safety card for forklift operation safety (valid for no more than 2 years from the most recent training session)	
	NOK	OK
XE NÂNG/ FORKLIFT		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Tiến hành cấp phát bảo hộ lao động cho người vận hành xe nâng và yêu cầu tuân thủ/ **Requirement:** Provide personal protective equipment (PPE) to forklift operators and ensure compliance with its use	
	NOK	OK
XE NÂNG/ FORKLIFT		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Các máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt (ví dụ: Xe nâng hàng) phải có tem kiểm định/ **Requirement:** Machines with strict requirements need to have inspection stamps	
	NOK	OK
BỐ TRÍ MÁY MÓC / ARRANGEMENT MACHINE		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Các máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt phải được bố trí đảm bảo an toàn, có biện pháp kiểm soát đảm bảo chỉ có những người được phép vận hành mới được phép tiếp cận Có cảnh báo và danh sách người vận hành/ **Requirement:** Machines with strict requirements must be arranged to ensure safety, with control measures in place to ensure that only authorized personnel are allowed to operate them There should be warnings and a list of operators	
	NOK	OK
BỐ TRÍ MÁY MÓC / ARRANGEMENT MACHINE		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Hướng dẫn an toàn sử dụng cho máy móc/ **Requirement:** Have a safety machine WI	
	NOK	OK
BỐ TRÍ MÁY MÓC / ARRANGEMENT MACHINE		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Thực hiện khóa nguồn năng lượng, sử dụng bộ khóa (Log Out) – nhãn (Tag Out), viết tắt là LOTO/ **Requirement:** Implement energy isolation, using lockout device (Lock Out) and tags (Tag Out), abbreviated as LOTO	
	NOK	OK
BỐ TRÍ MÁY MÓC / ARRANGEMENT MACHINE	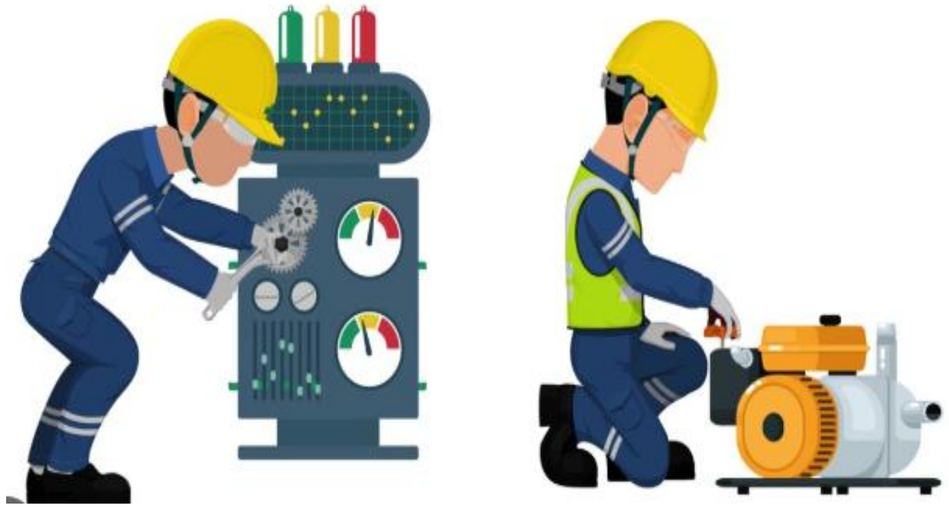	

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Quạt phải có nắp bao che **Requirement:** The fan must be equipped with a protective cover.	
	NOK	OK
BỐ TRÍ THIẾT BỊ/ ARRANGEMENT MACHINE		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Sử dụng đúng thiết bị, dụng cụ **Requirement:** Use the correct equipment and tools	
	NOK	OK
BỐ TRÍ THIẾT BỊ/ ARRANGEMENT MACHINE	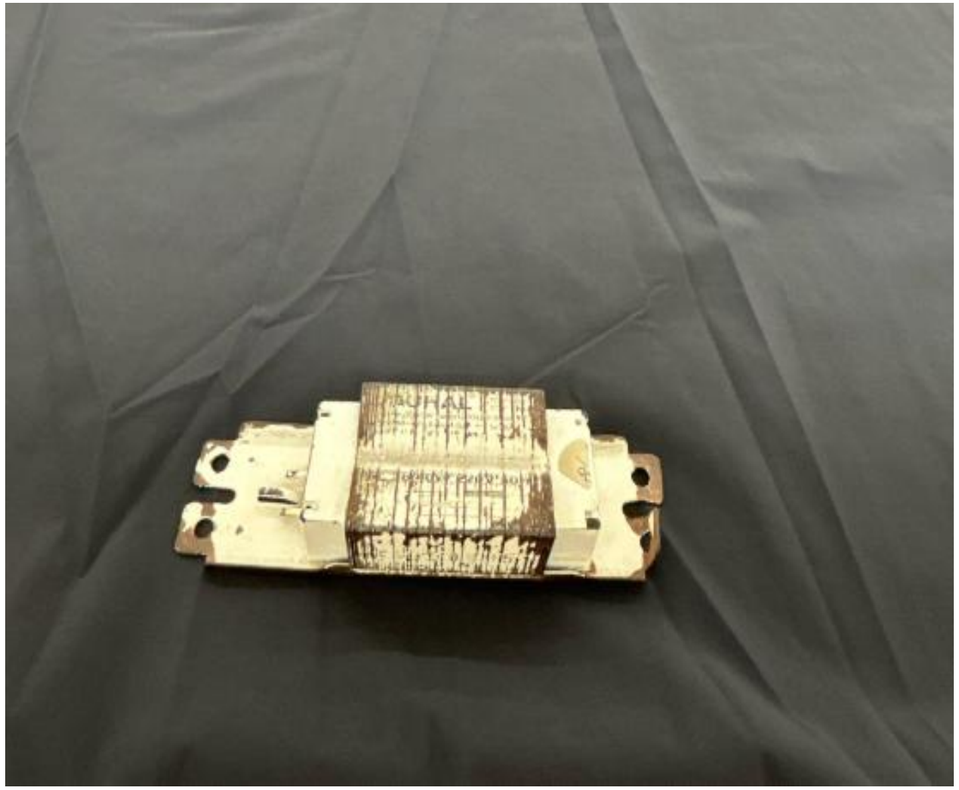	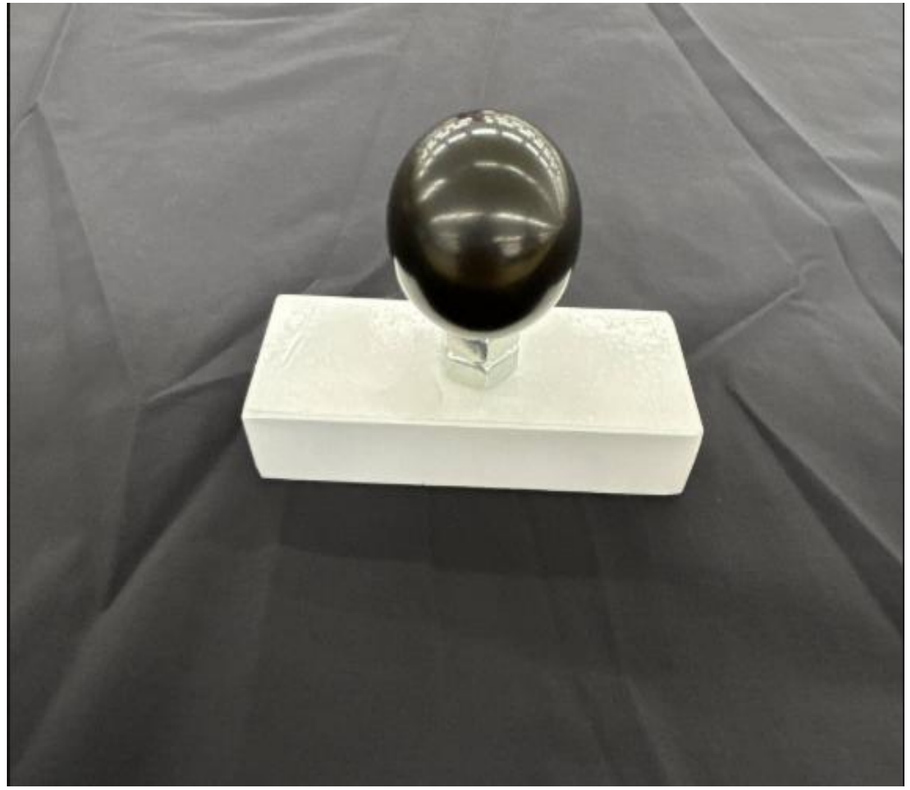

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Dao rọc giấy phải đúng mẫu mã và được kiểm soát/ **Requirement:** The utility knives must conform to the correct design and be properly controlled	
	NOK	OK
BỐ TRÍ THIẾT BỊ/ ARRANGEMENT MACHINE		

Chủ đề/ Topic	Yêu cầu: Kéo phải được cố định tránh gây thương tích khi rơi và phải được kiểm soát/ Requirement: Scissors must be securely fixed to prevent injury from falling, and their use must be controlled.	
	NOK	OK
BỐ TRÍ THIẾT BỊ/ ARRANGEMENT MACHINE	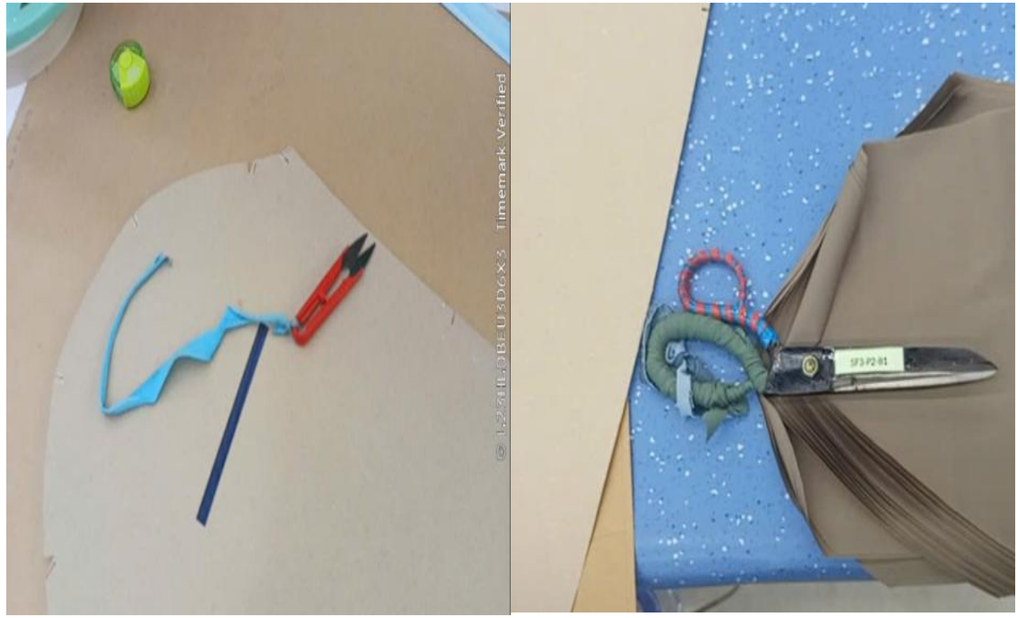	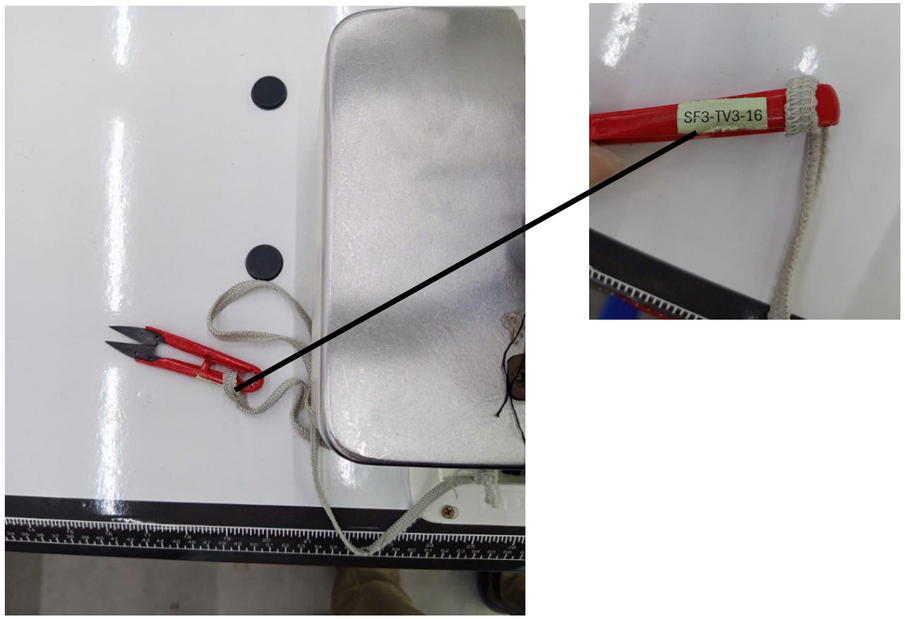

Nhấn mũi tên để về Mục lục/
Click the arrow to return to Contents.

Chủ đề 10/ Topic 10: Báo cáo sự cố/ Incident Reporting

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Khi máy móc bị hỏng, không tự ý sửa chữa mà phải liên hệ đội bảo trì để sửa chữa/ **Requirement:** When the machine is broken, do not attempt to repair it yourself; instead, contact the maintenance team for repair	
	NOK	OK
BÁO CÁO SỰ CỐ/ INCIDENT REPORT		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Khi nhận thấy khu vực làm việc không an toàn, được phép tạm dừng công việc và báo cáo ngay với quản lý và bộ phận an toàn/ **Requirement:** If an unsafe working condition is observed, you are allowed to temporarily stop work and immediately report to the manager and the safety department	
	NOK	OK
BÁO CÁO SỰ CỐ/ INCIDENT REPORT	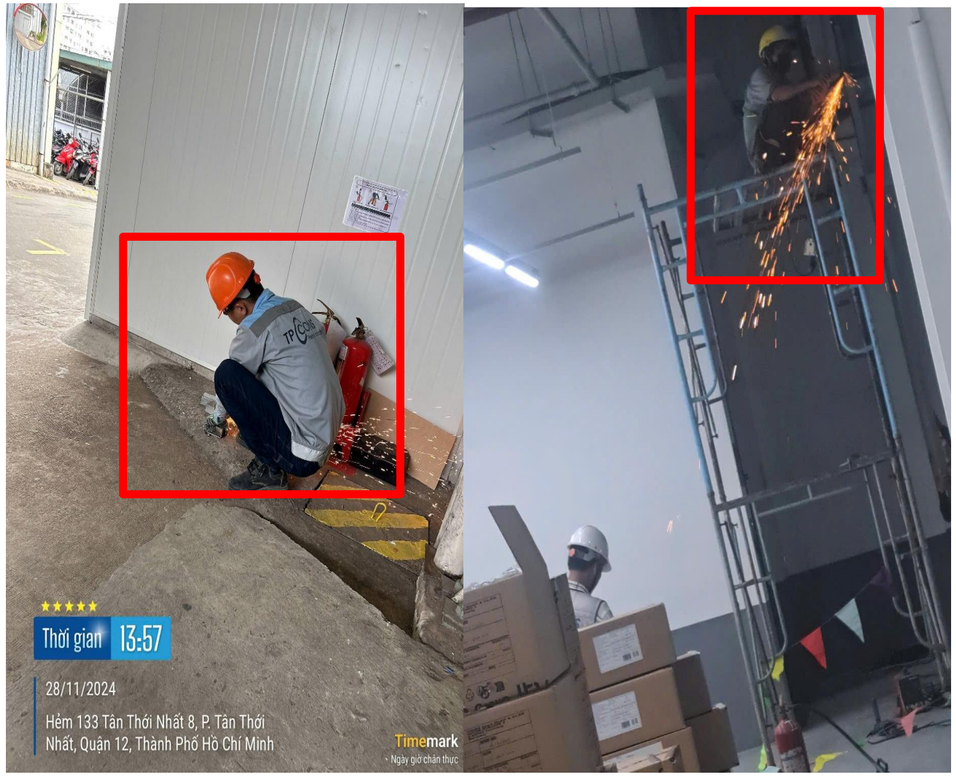	Báo Quản lý/HSE khi phát hiện những tình huống không an toàn/ Report to Management/HSE when unsafe situations are detected 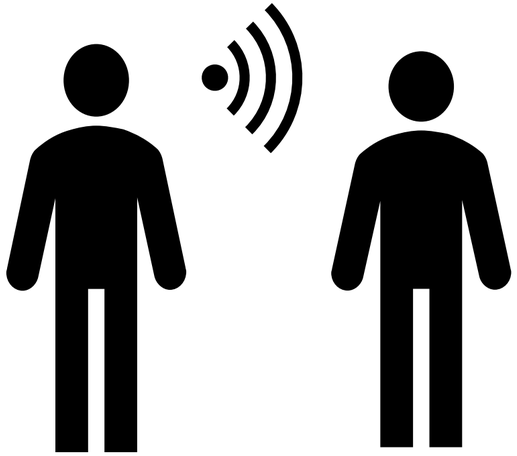

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Không di chuyển vào vùng đang được cô lập, có cảnh báo nguy hiểm của khu vực đang thi công Không tự ý tháo bỏ khu vực đang được cô lập **Requirement:** Do not enter the area marked with warning tape, which indicates a hazardous zone under construction Do not remove the tape	
	NOK	OK
BÁO CÁO SỰ CỐ/ INCIDENT REPORT		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Khi xảy ra những tình huống khẩn cấp (Cháy,...) phải giữ bình tĩnh và nhanh chóng di tản ra điểm tập kết **Requirement:** When emergencies occur (such as a fire, ...), you must stay calm and quickly evacuate to the assembly point	
	NOK	OK
ỨNG PHÓ Sự Cố/ INCIDENT RESPONSE		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Khi xảy ra tai nạn lao động, không tự ý sơ cứu mà phải nhanh chóng đến phòng y tế để được sơ cấp cứu và đưa ra điều trị bên ngoài, đồng thời báo cáo lên phòng HSE để xử lý/ **Requirement:** When a workplace accident occurs, do not attempt to provide first aid on your own. Instead, quickly go to the medical room for first aid and further treatment. At the same time, report the incident to the HSE department for handling	
	NOK	OK
ỨNG PHÓ Sự Cố/ INCIDENT RESPONSE		

Nhấn mũi tên để về Mục lục/
Click the arrow to return to Contents.

Chủ đề 11/ Topic 11: Nhà vệ sinh và hút thuốc/ Toilet and Smoking

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Không ăn uống trong nhà vệ sinh, khu vực hút thuốc/ **Requirement:** No eating or drinking in the restroom or smoking area	
	NOK	OK
NHÀ VỆ SINH VÀ HÚT THUỐC/ TOILET AND SMOKING		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Không khạc nhổ bừa bãi/ **Requirement:** No spitting in public places	
	NOK	OK
NHÀ VỆ SINH VÀ HÚT THUỐC/ TOILET AND SMOKING		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Hút thuốc đúng nơi quy định/ **Requirement:** Smoke in the designated areas	
	NOK	OK
HÚT THUỐC/ SMOKING		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Bỏ rác, tàn thuốc, đầu mẫu thuốc... đúng nơi quy định/ **Requirement:** Throw away trash, cigarette butts, cigarette butts in the right place	
	NOK	OK
HÚT THUỐC/ SMOKING		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Không đặt chân, ngồi xổm lên bồn cầu/ **Requirement:** Do not place your feet or squat on the toilet seat	
	NOK	OK
NHÀ VỆ SINH/ TOILET		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Không xả nước xuống sàn/ **Requirement:** Do not flush water onto the floor	
	NOK	OK
NHÀ VỆ SINH/ TOILET		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Xả nước sau khi đi vệ sinh/ **Requirement:** Flush the toilet after use	
	NOK	OK
NHÀ VỆ SINH/ TOILET		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Thực hiện việc vệ sinh, bổ sung vật dụng cần thiết cho nhà vệ sinh đúng giờ và đầy đủ/ **Requirement:** Perform cleaning and replenish necessary items for the toilet on time and thoroughly	
	NOK	OK
NHÀ VỆ SINH/ TOILET		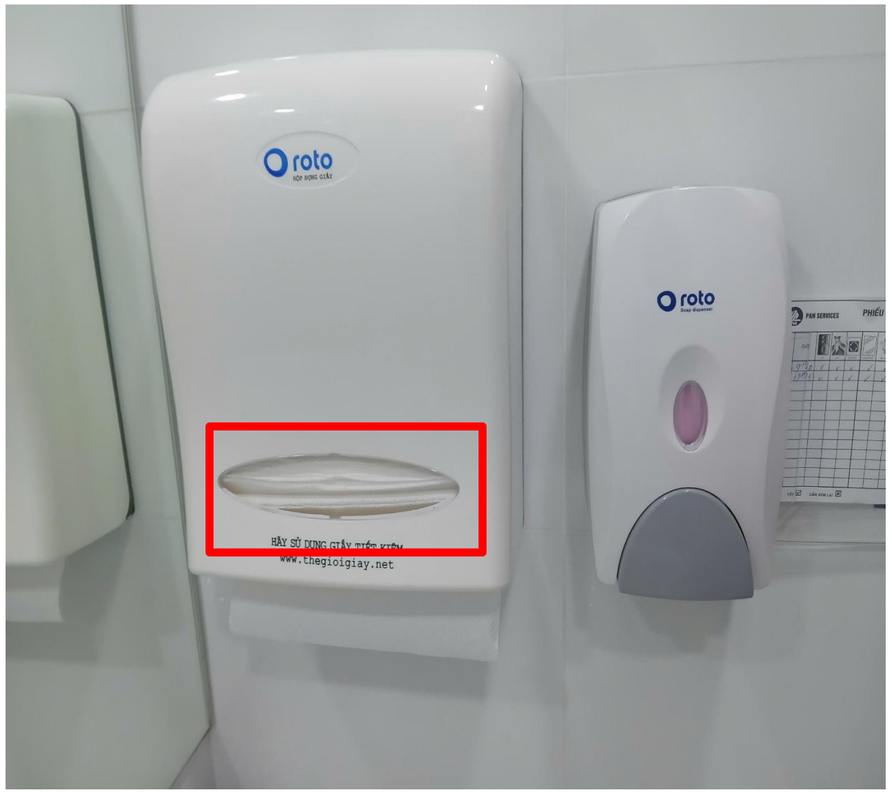

Nhấn mũi tên để về Mục lục/
Click the arrow to return to Contents.

Chủ đề 12/ Topic 12: Tiêu chuẩn 6S cho Văn phòng/ 5S Standard for Office

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Thực hiện 6S khu vực làm việc, chỉ để những vật dụng thực sự cần thiết cho công việc/ **Requirement:** Conduct 6S at working area	
	NOK	OK
6S KHU VỰC LÀM VIỆC/ 6S WORKING AREA	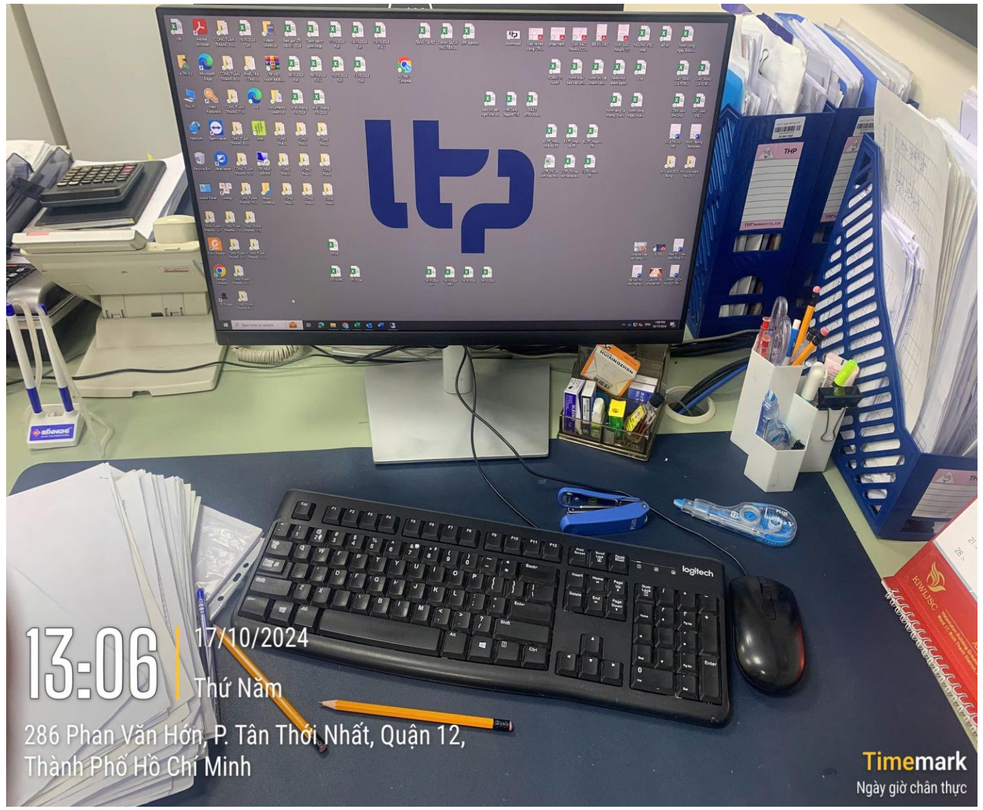	

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Vật dụng cá nhân phải được chứa trong các hộp cá nhân. Hộp cá nhân được quản lý bởi Admin./ **Requirement:** Personal belongings must be stored in personal boxes. These boxes are managed by the Admin	
	NOK	OK
Tiêu chuẩn 6S cho Văn phòng/ 6S Standard for Office		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Tài liệu phải có nhãn theo đúng chuẩn, bìa lưu hồ sơ phải đồng nhất về chiều cao/ **Requirement:** All documents must be properly labeled in accordance with the standard, and file folders must be consistent in height	
	NOK	OK
Tiêu chuẩn 6S cho Văn phòng/ 6S Standard for Office		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Tài liệu sẽ được lưu trữ trong tủ hồ sơ. Bộ phận sử dụng có trách nhiệm kiểm soát/ **Requirement:** Doccument will be put in the cabinet. Using dept is responsible for controlling.	
	NOK	OK
Tiêu chuẩn 6S cho Văn phòng/ 6S Standard for Office	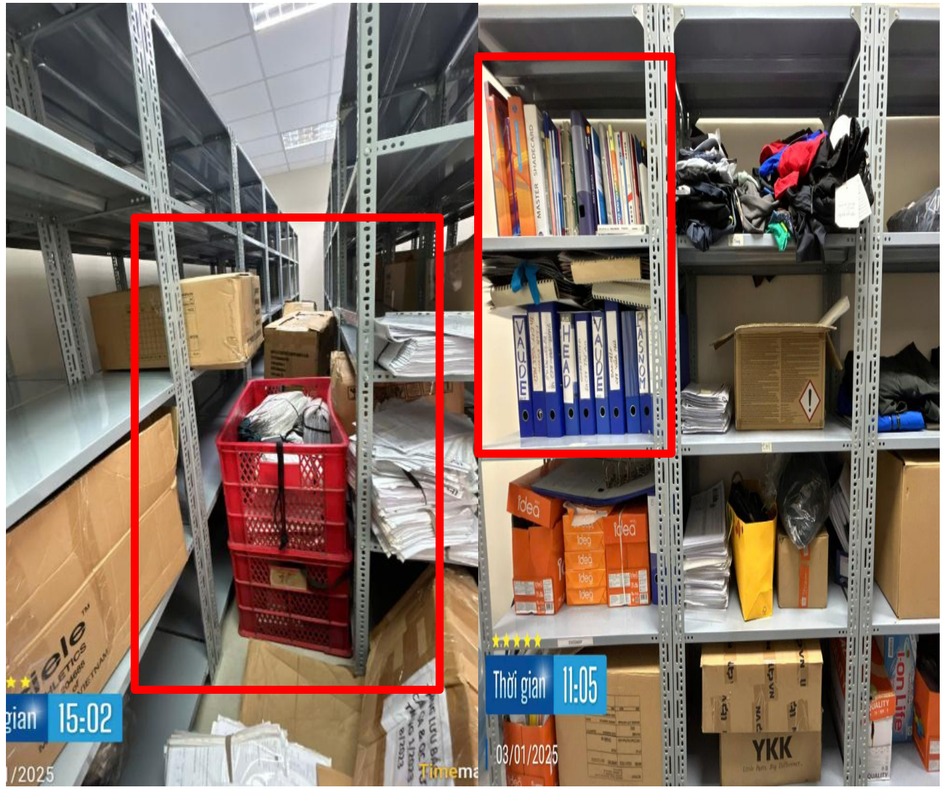	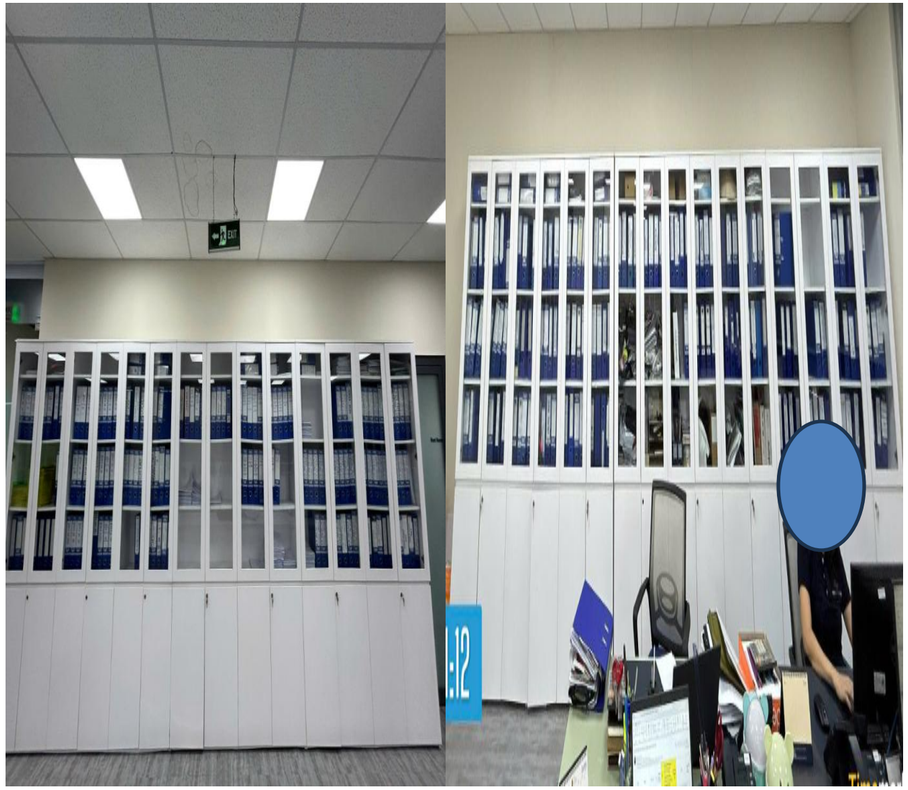

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Mẫu phải treo trên giá và có dán nhãn tên khách hàng. Bộ phận sử dụng có trách nhiệm kiểm soát/ **Requirement:** Sample will be hang on the rack with label customer name. Using dept is responsible for controlling	
	NOK	OK
Tiêu chuẩn 6S cho Văn phòng/ 6S Standard for Office		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Bình nước uống phải đặt trên kệ. Bộ phận sử dụng có trách nhiệm kiểm soát **Requirement:** Drinking bottle for office need to be put in the crack. Using dept is responsible for controlling	
	NOK	OK
Tiêu chuẩn 6S cho Văn phòng/ 6S Standard for Office		

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Tài liệu in xong phải được lấy ngay, không để lại trên máy in để đảm bảo an toàn thông tin **Requirement:** Printed documents must be collected immediately and not left on the printer to ensure information security.	
	NOK	OK
Tiêu chuẩn 6S cho Văn phòng/ 6S Standard for Office	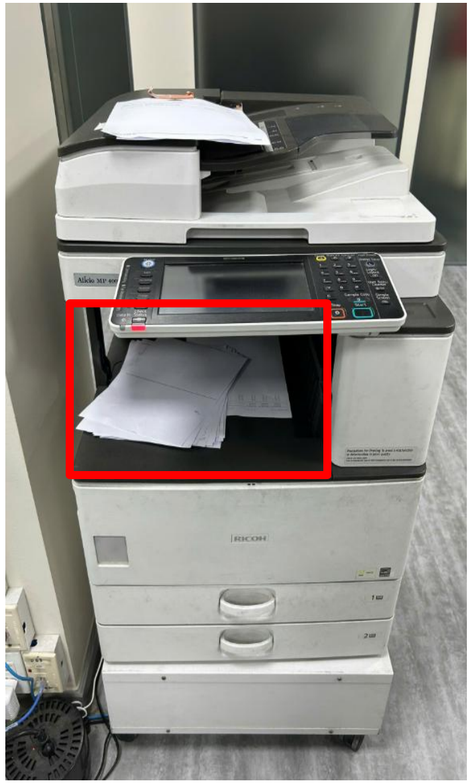	

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Dùng đúng loại ghế để đảm bảo tư thế lao động/ **Requirement:** Ensure the correct type of chair is used to maintain proper ergonomic working posture.	
	NOK	OK
Tiêu chuẩn 6S cho Văn phòng/ 6S Standard for Office		 **Office chair** Chair for high level **Office chair** Chair for officer **Canteen chair** Chair for Canteen

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Thực hiện 6S khu vực làm việc/ **Requirement:** Conduct 6S at working area	
	NOK	OK
6S KHU VỰC LÀM VIỆC/ 6S WORKING AREA		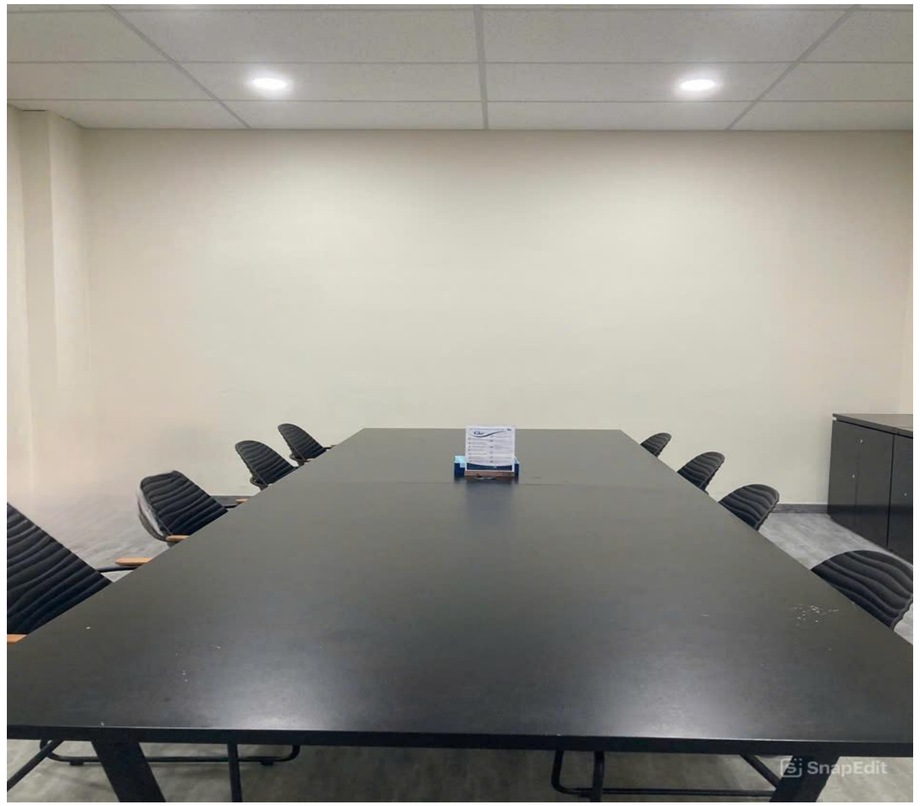

Chủ đề/ Topic	**Yêu cầu:** Phòng họp sau khi sử dụng phải được thực hiện 5S, tắt các thiết bị điện trước khi ra khỏi phòng họp. Phòng họp của bộ phận sẽ do bộ quận tự kiểm soát việc thực hiện 5S. Bộ phận Admin sẽ cung cấp quy định họp để làm tiêu chuẩn cho từng phòng họp. **Requirement:** Meeting rooms must be 5S-compliant after use, and all electrical devices must be turned off before leaving the room. Operation meeting room will be controlled 5S by Operation. Admin is responsible for provide meeting rule as standard for each meeting room	
	NOK	OK
Tiêu chuẩn 6S cho Văn phòng/ 6S Standard for Office		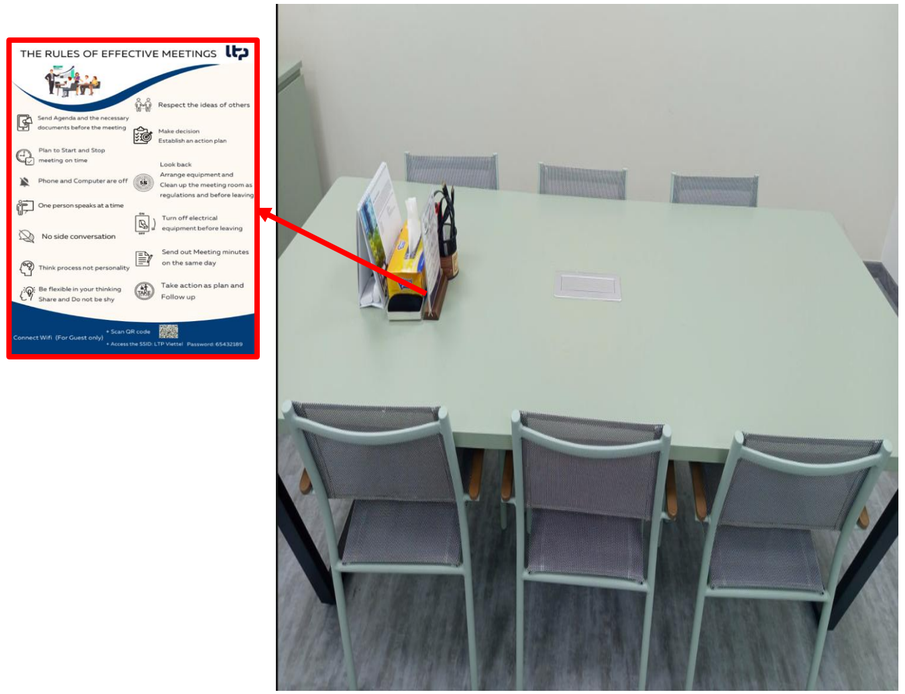

Thank you

CHUẨN BỊ TỐT LỰC LƯỢNG VÀ PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
TẠI CHỖ LÀ THIẾT THỰC BẢO VỆ TÍNH MẠNG, TÀI SẢN CỦA CHÍNH MÌNH